

Bối cảnh Kinh tế Vĩ mô Thế giới và Việt Nam

PGS. TS Nguyễn Đức Thành
Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG HN

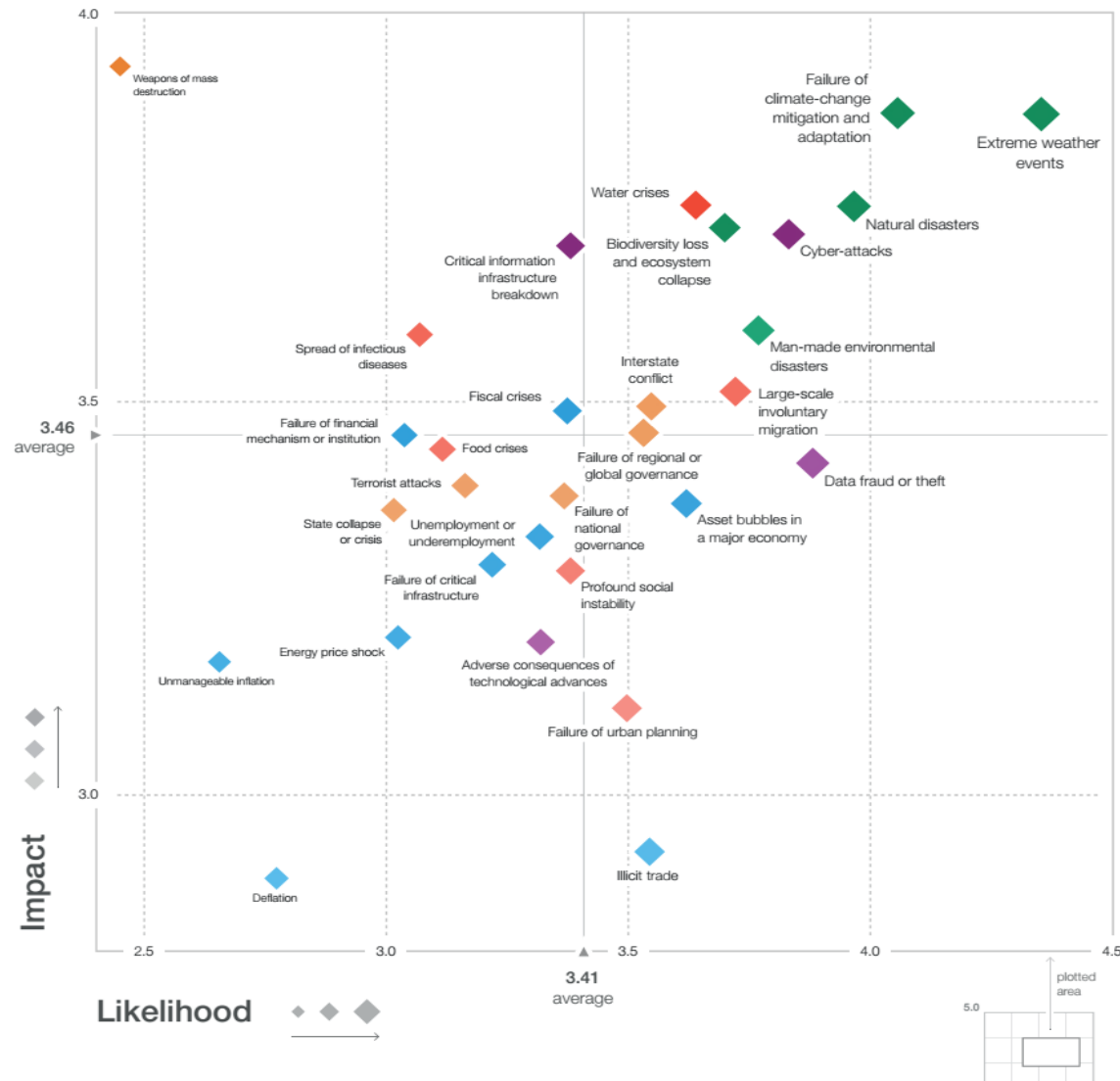
Lạng Sơn, 02/08/2019

Bối cảnh Thế giới

	WEO (4/2019)			GEP (6/2019)		
	2018e	2019p	2020p	2018e	2019p	2020p
Toàn cầu	3,6	3,3 (-0,2)	3,6 (-0,1)	3,0	2,6 (-0,3)	2,7 (-0,1)
Các nền kinh tế phát triển	2,2	1,8 (-0,1)	1,7 (0,0)	2,1	1,7 (-0,3)	1,5 (-0,1)
Mỹ	2,9	2,3 (-0,2)	1,9 (0,1)	2,9	2,5 (0,0)	1,7 (0,0)
Khu vực đồng tiền chung Châu Âu	1,8	1,3 (-0,3)	1,5(-0,2)	1,9	1,2 (-0,4)	1,4 (-0,1)
Anh	1,4	1,2 (-0,3)	1,4 (-0,2)	1,3	1,4 (-0,1)	1,7 (0,0)
Nhật Bản	0,8	1,0 (-0,1)	0,5 (0,0)	0,8	0,8 (-0,1)	0,7 (0,0)
Các nước mới nổi và đang phát triển	4,5	4,4 (-0,1)	4,8 (-0,1)	4,3	4,0 (-0,3)	4,6 (0,0)
Nga	2,3	1,6 (0,0)	1,7 (0,0)	2,3	1,2 (-0,3)	1,8 (0,0)
Trung Quốc	6,6	6,3 (0,1)	6,1 (-0,1)	6,6	6,2 (0,0)	6,1 (-0,1)
Ấn Độ	7,1	7,3 (-0,2)	7,5 (-0,2)	7,2	7,5 (0,0)	7,5 (0,0)
Brazil	1,1	2,1(-0,4)	2,5 (0,3)	1,1	1,5 (-0,7)	2,5 (0,1)
Nam Phi	0,8	1,2 (-0,2)	1,5 (-0,2)	0,8	1,1 (-0,2)	1,5 (-0,2)
Các nước ASEAN-5	5,2	5,1 (0,0)	5,2 (0,0)			
Indonesia	5,2	5,2	5,2	5,2	5,2 (0,0)	5,3 (0,0)
Malaysia	4,7	4,7	4,8	4,7	4,6(-0,1)	4,6 (0,0)
Philippines	6,2	6,5	6,6	6,2	6,4 (-0,1)	6,5 (-0,1)
Thái Lan	4,1	3,5	3,5	4,1	3,5 (-0,3)	3,6(-0,3)
Việt Nam	7,1	6,5	6,5	7,1	6,6 (0,0)	6,5 (0,0)
Lào	6,5	6,7	6,8	6,5	6,6 (0,0)	6,7 (0,0)
Campuchia	7,3	6,8	6,7	7,5	7,0 (0,2)	6,9 (0,1)
Myanmar	2,1	6,4	6,6	6,2	6,5 (0,0)	6,6 (0,0)

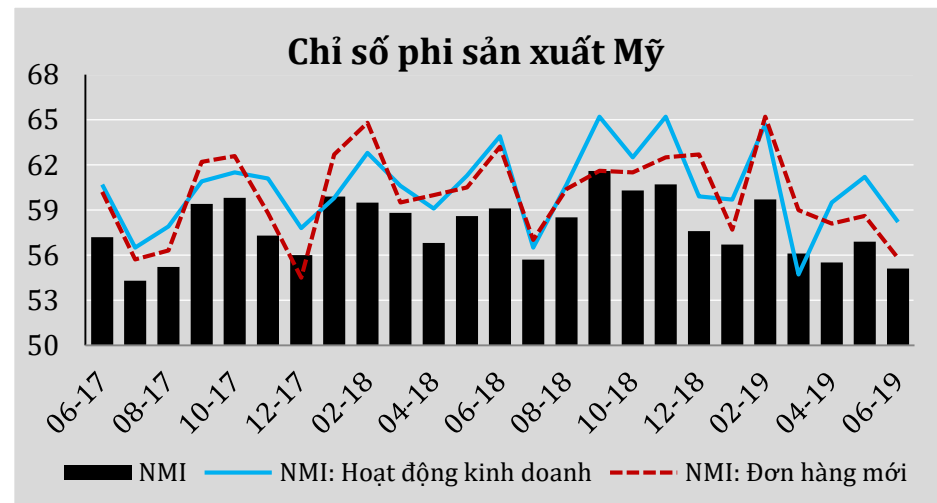
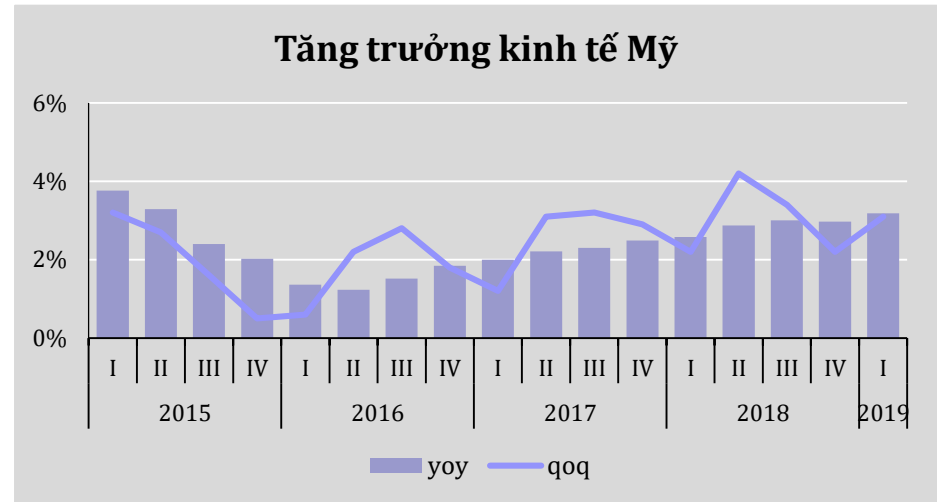
Lưu ý: () chỉ mức độ thay đổi so với lần dự báo gần nhất; e chỉ số ước tính; p chỉ số dự báo

Đánh giá rủi ro toàn cầu, 2019

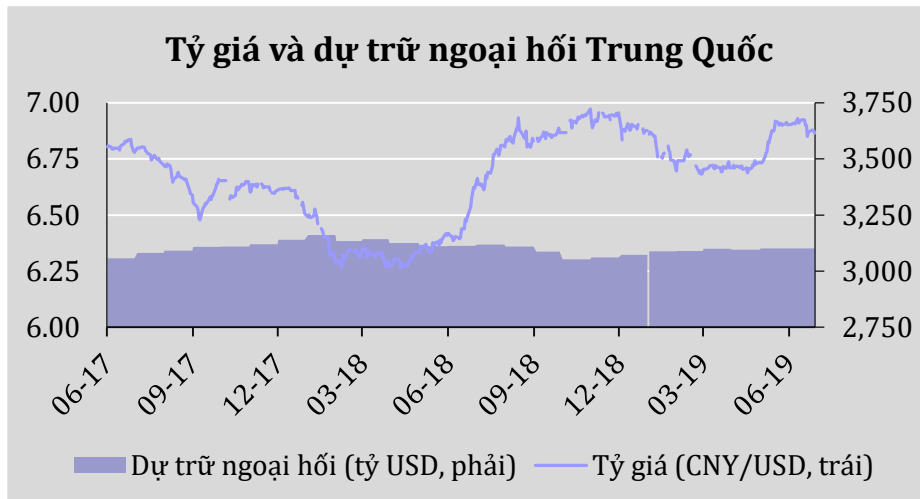
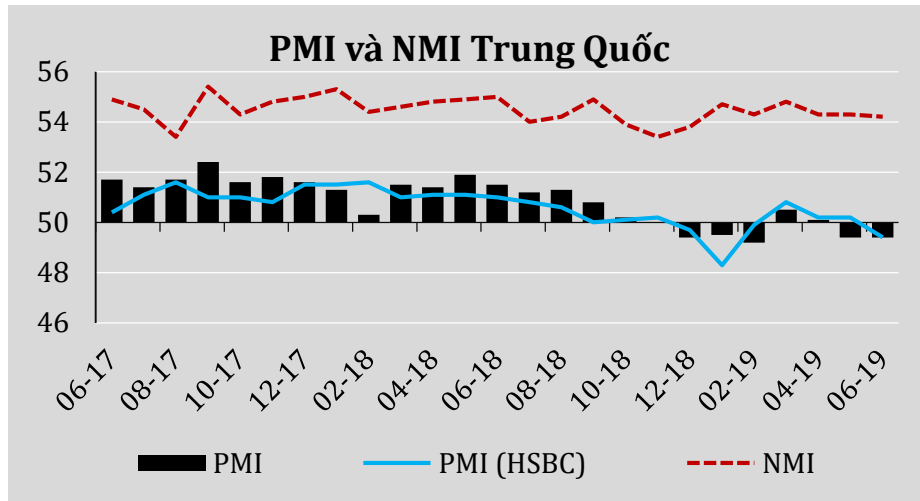


VEPR Kinh tế Mỹ

- GDP Q1: 3,1% (qoq) chủ yếu dựa vào thâm hụt thương mại giảm, hàng tồn kho tăng cùng với đầu tư vào cơ sở hạ tầng tăng.
- Khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng tốt.



- Kinh tế Q1 chỉ tăng trưởng ở mức 6,4% (yoy).
- Đầu tư tư nhân, tăng trưởng công nghiệp giảm mạnh. Chỉ số PMI tiếp tục dưới mức 50 điểm => tác động của chính sách thúc đẩy kinh tế mất đi tác động nhanh.
- Dự trữ ngoại hối tăng lên trong Quý, ở mức 3101 tỷ USD vào tháng Sáu do hiệu ứng định giá và thay đổi giá tài sản.
- Đạt được thỏa thuận ngừng áp thêm thuế và nới lỏng hạn chế với Huawei với Mỹ trong G20.

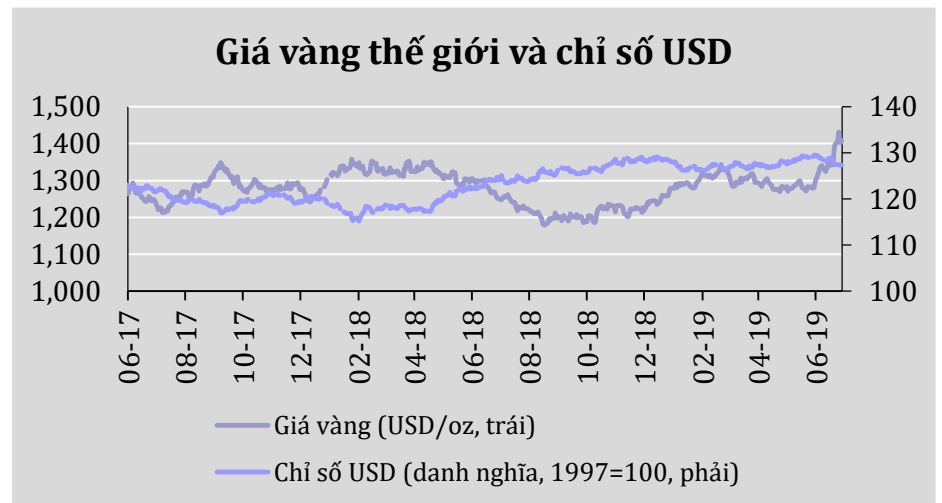
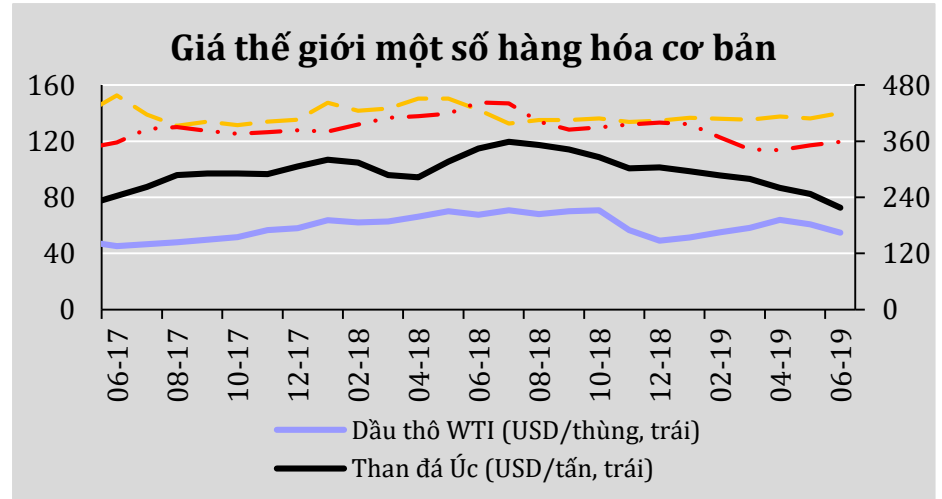


Khu vực ASEAN lần đầu có dấu hiệu suy giảm

- ASEAN-5 suy giảm tăng trưởng trong Q1/2019.
- Lo ngại về môi trường pháp lý trong năm bầu cử của Indonesia, tiêu dùng của hộ gia đình và tổng đầu tư cố định tiếp tục giảm, chi tiêu chính phủ cũng giảm khiến tốc độ tăng trưởng của Indonesia trong Quý 1 chỉ ở mức 4,99% (yoy).
- Tăng trưởng kinh tế của Phillipines giảm mạnh, 5,7% (yoy) do chậm trễ giải ngân chi ngân sách, xuất khẩu tiếp tục giảm.
- Kinh tế Thái Lan tăng trưởng thấp, 3,7% (yoy) do ảnh hưởng Hiệp định Thương mại Tự do EU - Việt Nam (EVFTA) và cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gây tác động xấu tới ngành xuất khẩu.

Thị trường hàng hóa và tài sản thế giới

- Giá dầu giảm, do căng thẳng vùng Vịnh (khu vực Trung Đông) tăng cao, ngập lụt ở vùng Midwest, OPEC và Nga tiếp tục duy trì thỏa thuận cắt giảm sản lượng khai thác thêm 9 tháng nữa.
- Giá gạo Việt 358,8 USD/tấn, thấp hơn so với cùng kì năm trước, do các thị trường gạo lớn của Việt Nam như Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh đều nhập khẩu ít đi.
- Giá USD giảm. giá vàng đạt đỉnh.





**Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có phải là
dấu hiệu cho cuộc xung đột thế kỷ?**

Sự trỗi dậy của Trung Quốc và tham vọng MIC 2025

Keys to the Middle Kingdom

10 sectors are highlighted in the 'Made in China 2025' plan



New generation information technology



New energy and energy-saving vehicles



High-end computerised machines and robots



Energy equipment



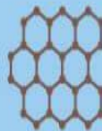
Space and aviation



Agricultural machines



Maritime equipment and high-tech ships



New materials

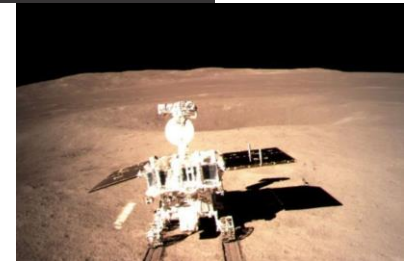


Advanced railway transportation equipment



Biopharma and high-tech medical devices

Source: MERICS



TT Donald Trump - “Nước Mỹ trên hết”

- Rút khỏi TPP – “thỏa thuận tồi tệ cho nước Mỹ”
- Đàm phán lại NAFTA – “thỏa thuận thương mại tồi tệ nhất nước Mỹ từng biết”
- Khởi động “chiến tranh thương mại” với Trung Quốc thông qua việc đánh thuế.
- Bắt Meng Wanzhou, Huawei’s CFO và con gái của nhà sáng lập.
- Rút khỏi WTO

→ **Muốn viết lại luật chơi để duy trì vị trí THỐNG SOÁI của Mỹ trong trật tự thế giới. (Coi Trung Quốc là THE REVISIONIST POWER)**



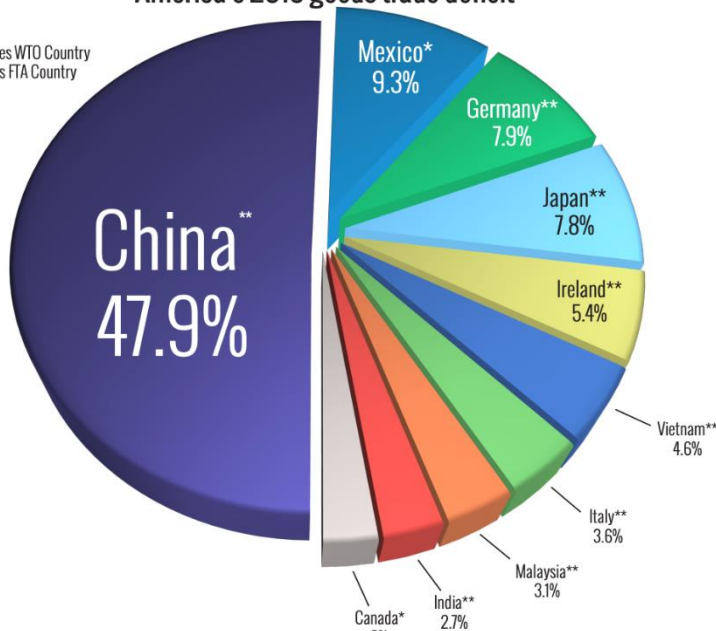
10 nước có thâm hụt thương mại lớn nhất với Mỹ, 2018



THE BIGGEST US JOB KILLERS

Top 10 Trade Deficit Countries: These countries account for 95% of America's 2018 goods trade deficit

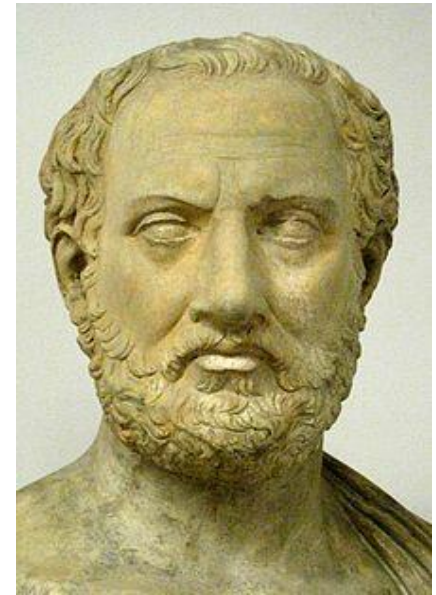
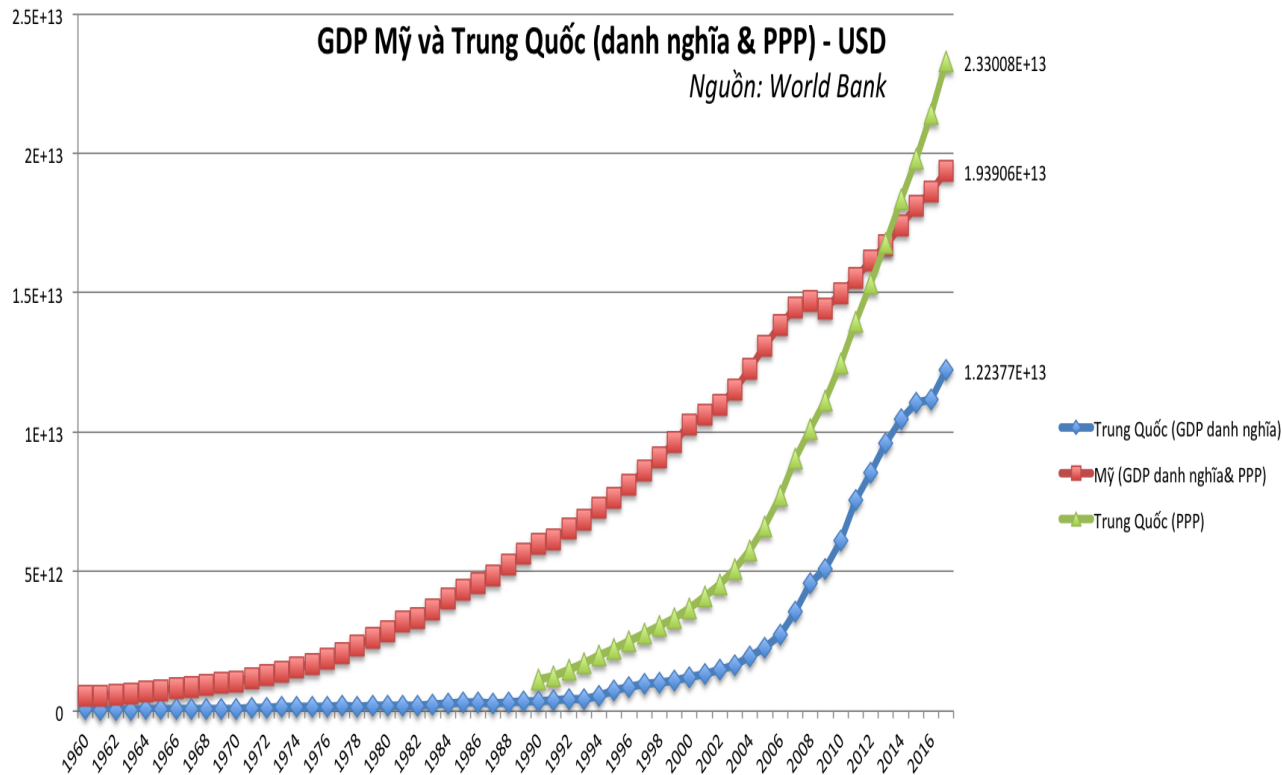
** Indicates WTO Country
* Indicates FTA Country



- Bilateral and multilateral FTA's have been tried and failed**
The U.S. has bilateral or multilateral trade agreements with all of our largest deficit countries, and in many cases our bilateral deficit has expanded dramatically after signing a free trade agreement.
- We need a national goal to eliminate our massive trade deficit**
Balanced trade over time is the goal of free trade and of fair trade. Balanced trade will re-industrialize our country, enable massive job creation, grow our wealth and effectively neutralize foreign mercantilism.
- A comprehensive strategy is needed**
A competitive dollar price to balance trade, tariffs to further national and economic security interests and strong trade enforcement to fix cheating.

Rank	Countries	1992 Deficit	2018 Deficit	Change 1992-2017	Deficit Drivers
#1	China (WTO)	-\$18B	-\$413B	-\$395B	Telecom equipment (-\$156B), Office Machines & ADP Equipment (-\$127B), Misc Manufactured Articles (-\$99B)
#2	Mexico (FTA)	+\$5B	-\$81B	-\$76B	Vehicles (-\$153B), Electronics & Appliances (-\$68B) Office Machines & ADP Equipment (-\$45B)
#3	Germany (WTO)	-\$8B	-\$68B	-\$60B	Vehicles (-\$40B), Medicine (-\$26B), General Industrial Machinery (-\$18.6B)
#4	Japan (WTO)	-\$49B	-\$67B	-\$18B	Vehicles (-\$82.5B), Electronics & Machinery (-\$21B), Machinery Specialized (-\$16B)
#5	Ireland (WTO)	+\$1B	-\$47B	-\$48B	Medicinal & Pharmaceutical Products (-\$44B), Organic Chemicals (-\$19.6B), Misc Manufactured Articles (-\$8.4B)
#6	Vietnam (WTO)	\$0B	-\$40B	-\$40B	Apparel (-\$21B), Telecom Equipment (-\$12.7B), Footwear (-\$10.5B)
#7	Italy (WTO)	-\$4B	-\$31B	-\$27B	Medicinal & Pharmaceutical Products (-\$9.4B), Vehicles (-\$9.3B)
#8	Malaysia (WTO)	-\$4B	-\$26B	-\$22B	Electronics & Machinery (-\$31B) Telecom Equipment (-\$9B)
#9	India (WTO)	-\$2B	-\$23B	-\$21B	Nonmetallic Mineral (-\$17.8B), Medicinal & Pharmaceutical Products (-\$10.9B), Apparel (-\$7B)
#10	Canada (FTA)	+\$8B	-\$21B	-\$29B	Petroleum & Products (-\$127B), Vehicles (-\$88.3B)

Mỹ và Trung Quốc có đang tiến vào Bẫy Thucydides?



Sử gia Hy Lạp
cổ đại
Thucydides

Chiến lược Vành đai-Con đường (BRI) của Trung Quốc



Chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương Mở và Tự do (FOIP) của Mỹ và Đồng minh

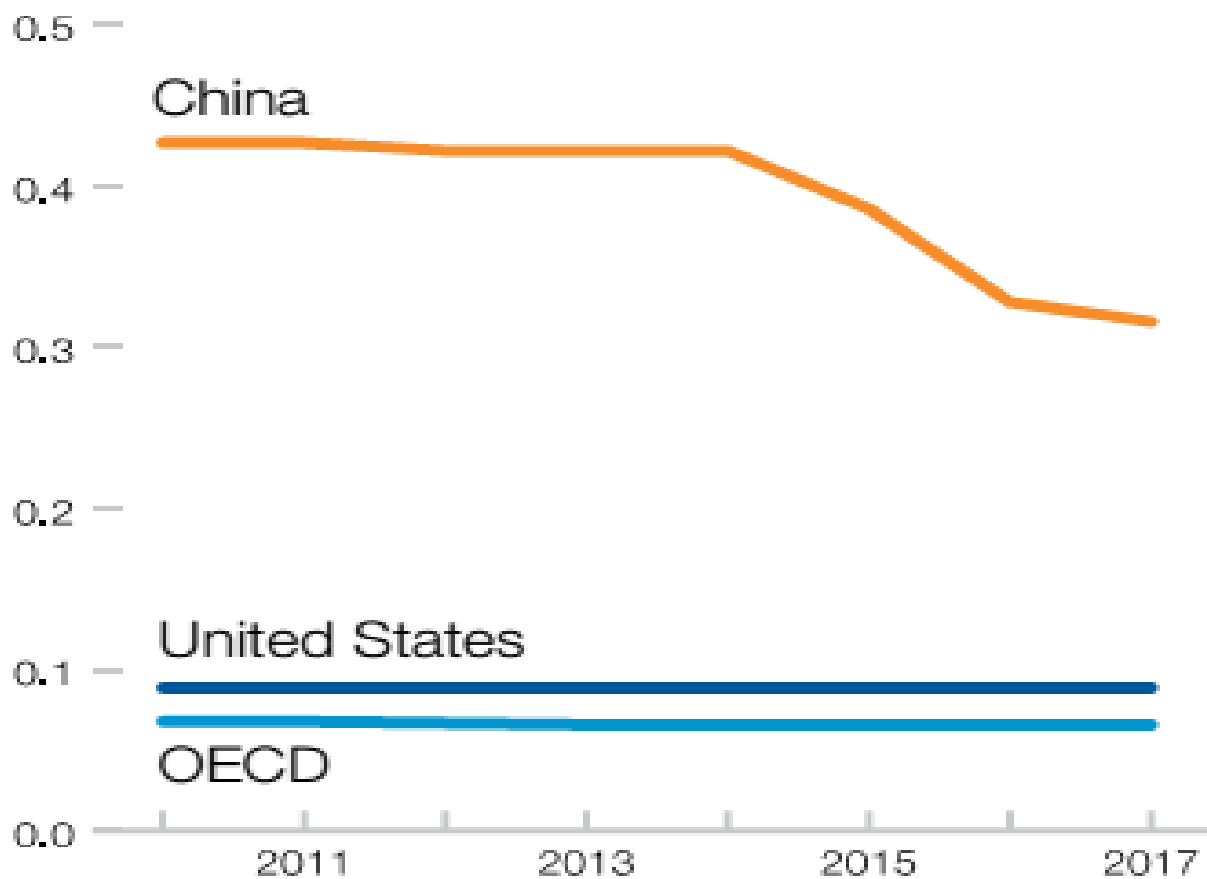


Chồng lấn giữa BRI và FOIP

How Belt and Road Initiative, U.S.-Japan Indo-Pacific strategy overlap

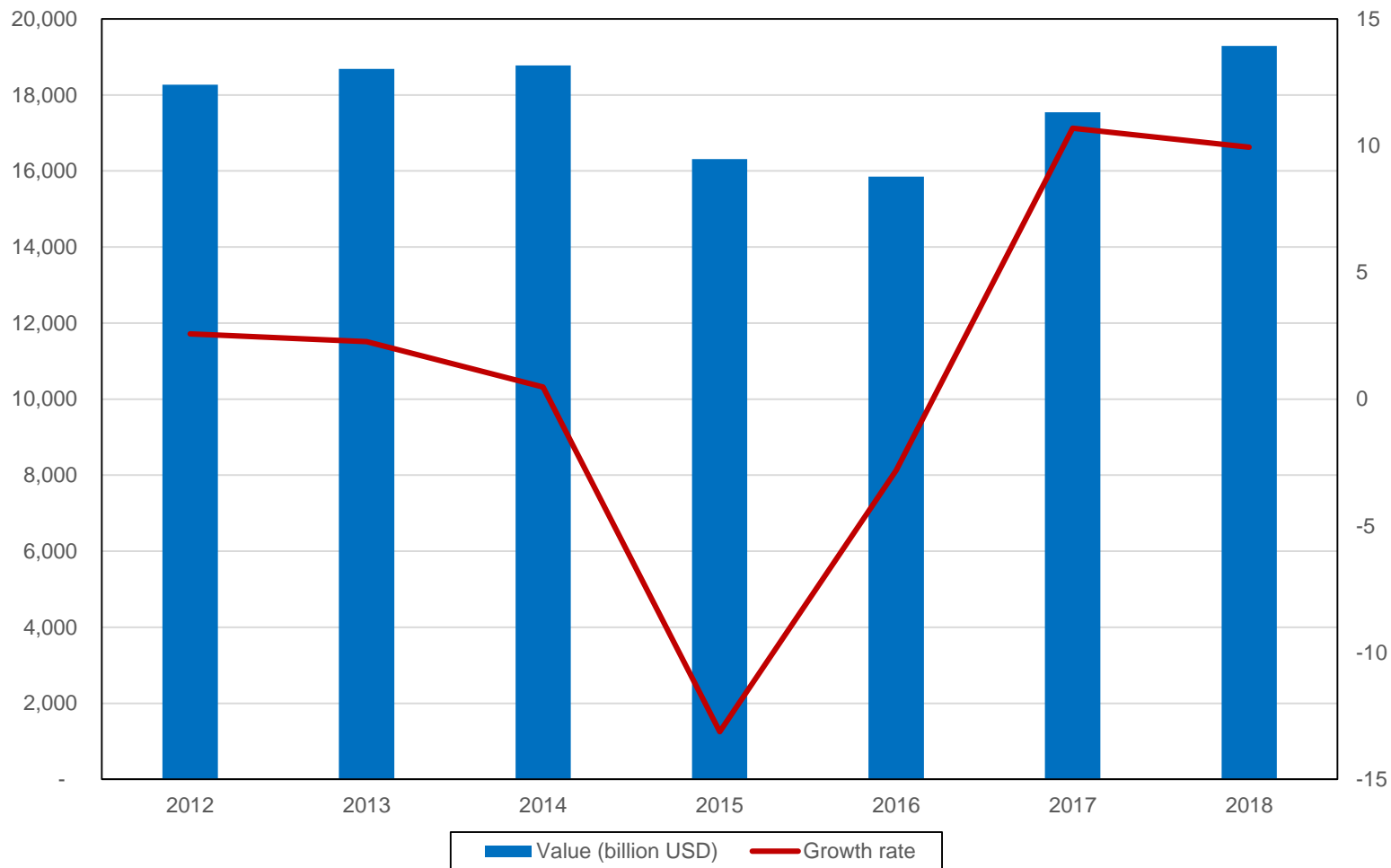


Chỉ số hạn chế FDI của OECD (0=mở; 1=đóng)



Source: WEF (2019)

Global Exports, 2011-2018 (billion USD)



Source: WTO Data Portal (2019a)

Xu thế Thương mại điện tử

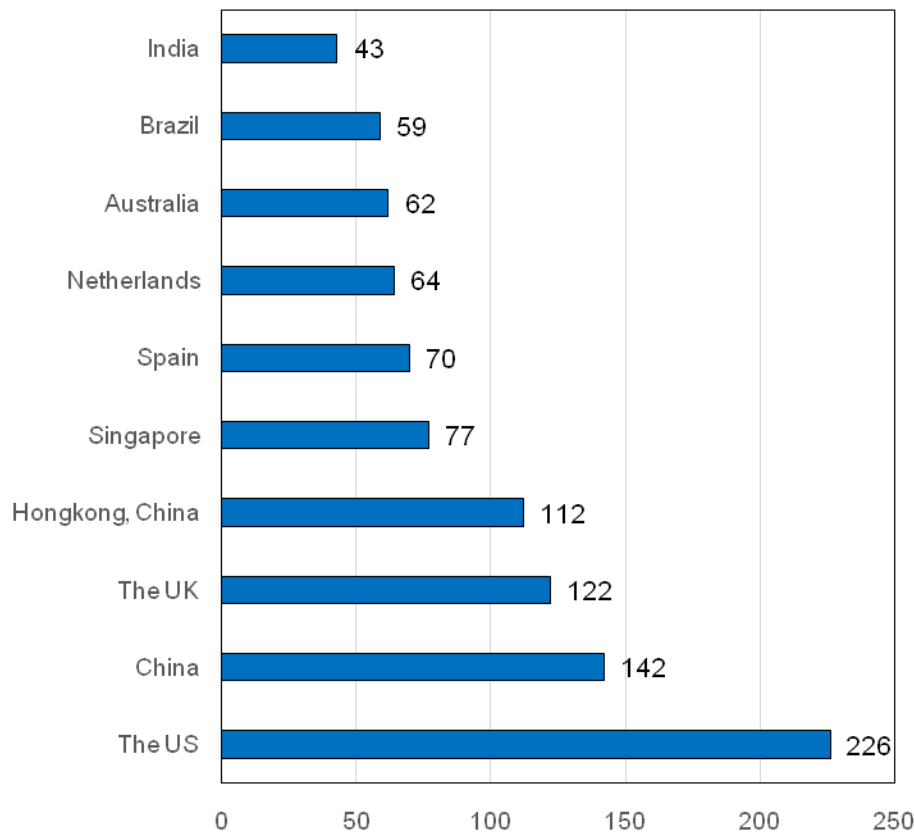
- TMĐT đã trở thành trọng tâm trong nhiều cuộc đối thoại của WTO
- Doanh thu từ hoạt động TMĐT đang gia tăng nhanh chóng. Năm 2017: đạt 29.000 tỷ USD.
- Tỷ lệ người mua hàng online sử dụng các kênh truyền thông xã hội như Instagram, Twitter, Pinterest, Facebook và Youtube tăng lên.
- Thị phần TMĐT B2C có xu hướng tăng, đạt 2,86 nghìn tỷ USD năm 2018, tăng 18% so với năm 2017.
- Tỷ trọng của TMĐT qua biên giới ngày càng tăng. Mua bán online từ nước ngoài trong tổng doanh thu TMĐT B2C đã tăng từ 15% năm 2016 lên 21% trong năm 2017
- Trung Quốc và Mỹ là 2 thị trường TMĐT lớn nhất toàn cầu
- Châu Á - Thái Bình Dương là thị trường TMĐT B2C lớn nhất, chiếm khoảng 50% doanh số toàn cầu trong năm 2017
- Sự phát triển mạnh mẽ của TMĐT đã làm thay đổi hành vi của người tiêu dùng trên toàn cầu, ảnh hưởng đến loại hàng hoá và dịch vụ giao dịch, tạo ra xu hướng và cách thức kinh doanh hướng vào cá nhân hoá.

Sự suy giảm dòng vốn đầu tư FDI toàn cầu (US\$ billions)



Source: OECD (2019)

10 nước nhận FDI nhiều nhất, 2018 (tỷ USD)



Source: UNCTAD (2019)

- Among the top 10 largest FDI recipients:
 - The US continues to be the world's largest recipient of FDI with \$226 billion
 - China ranked 2nd with \$142 billion
 - The UK ranked 3rd with \$122 billion
 - 04 countries in Asia are China, Hong Kong, Singapore and India
- Regarding investment forms,
 - Total M&A value increased by 19%
 - Total greenfield value increased by 29%
 - M&A values rose sharply in developed countries but quite modestly in developing countries

Cách mạng Công nghiệp 4.0 và cuộc cạnh tranh tìm kiếm nhân tài

- Số lượng công nhân dễ mất việc sẽ tiếp tục tăng lên trong những năm tới.

- Nền kinh tế số trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ đẩy nhanh đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc thị trường lao động ở nhiều nước:
 - Lao động có kỹ năng sáng tạo sẽ ngày càng chiếm lĩnh các vị trí chủ chốt.
 - Lao động giản đơn sẽ từ từ bị thay thế bởi tự động hóa và người máy thông minh.

■ Triển vọng thương mại toàn cầu:

- Tốc độ tăng trưởng của thương mại toàn cầu 2019 chậm hơn năm 2018
- Những yếu tố không tích cực: (i) các biện pháp hạn chế thương mại có tác động tiêu cực rõ nét hơn đến thương mại toàn cầu; (ii) những tác động tiêu cực đó dẫn đến giảm đầu tư ở nhiều quốc gia, thúc đẩy xu hướng chuyển vốn trở về công ty mẹ tại một số nước phát triển và các dòng vốn chảy ra khỏi các nước đang phát triển; (iii) Trung Quốc giảm đầu tư và hướng tới tiêu dùng nội địa nhiều hơn và sự tăng trưởng kinh tế chậm lại của Trung Quốc và EU; (iv) sự suy yếu của các trật tự đã được thiết lập trong hệ thống thương mại đa phương từ sau Thế chiến II và vai trò của WTO tiếp tục suy giảm; (v) diễn biến khó lường của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, sự leo thang và khả năng gia tăng phạm vi của cuộc chiến.

■ Triển vọng thương mại toàn cầu:

- Sự tăng trưởng của thương mại dịch vụ và sự phát triển của TMĐT dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là một xu hướng quan trọng khác.
- Sự tăng trưởng của thương mại dịch vụ sẽ có động lực chủ yếu từ các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc do (i) sản xuất theo định hướng dịch vụ; (ii) gia tăng tầng lớp trung lưu dẫn đến xuất hiện nhu cầu mới của người tiêu dùng; (iii) xu hướng số hóa các hoạt động kinh tế
- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng sẽ dẫn dắt sự phát triển của TMĐT trong những năm tới, làm thay đổi mô hình kinh doanh thương mại trên toàn cầu. Một số xu hướng phát triển TMĐT trong những năm tới là: (i) phát triển mạnh mẽ qua các ứng dụng TMĐT trên điện thoại di động; (ii) các sàn giao dịch TMĐT trên cơ sở ứng dụng đám mây; (iii) giá cả được xác định trên cơ sở các phân tích khoa học sử dụng Dữ liệu lớn và Trí tuệ nhân tạo để tối đa hoá giao dịch và lợi nhuận; (iv) sự phát triển của tiền điện tử cho các giao dịch TMĐT.

Tác động tiêu cực toàn cầu của Chiến tranh Thương mại Mỹ-Trung

Phần trăm suy giảm so với kịch bản gốc

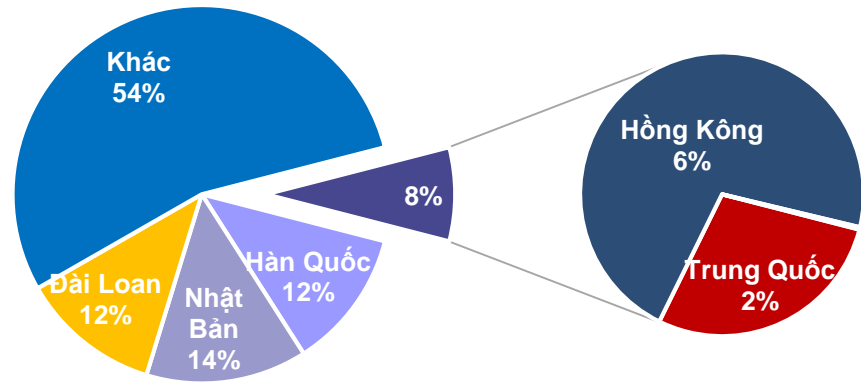
	GDP	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Tỷ giá hữu hiệu thực tế	FDI
2018	-0.036	-0.025	-0.038	0.122	-0.001
2019	-0.118	-0.187	-0.222	-0.112	-0.003
2020	-0.170	-0.363	-0.380	-0.242	-0.005
2021	-0.174	-0.475	-0.425	-0.262	-0.007
2022	-0.155	-0.534	-0.407	-0.227	-0.010
2023	-0.132	-0.557	-0.377	-0.175	-0.014
2024	-0.106	-0.548	-0.343	-0.114	-0.019
2025	-0.075	-0.504	-0.301	-0.043	-0.025
2026	-0.042	-0.432	-0.256	0.027	-0.030
2027	-0.015	-0.350	-0.217	0.084	-0.036
2028	0.005	-0.270	-0.191	0.121	-0.041
2029	0.015	-0.202	-0.174	0.139	-0.045
2030	0.017	-0.148	-0.163	0.143	-0.048
2031	0.015	-0.107	-0.153	0.136	-0.051
2032	0.013	-0.076	-0.140	0.127	-0.054

- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019-2020 sẽ chịu ảnh hưởng từ sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế thế giới, các dòng vốn đầu tư và thương mại toàn cầu.
- Việt Nam cần nhận diện những cơ hội và thách thức từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung:
 - Thách thức: Sức ép nhập siêu trầm trọng hơn từ Trung Quốc; gia tăng cạnh tranh trên thị trường nội địa khi cả Mỹ và Trung Quốc có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang Việt Nam; tăng cạnh tranh xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc khi các nước khác cũng muốn chớp cơ hội; nguy cơ Trung Quốc có thể mượn đường Việt Nam, lách luật để xuất khẩu vòng sang thị trường Mỹ
 - Cơ hội: tăng xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc; hưởng lợi từ những thay đổi trong chuỗi cung ứng khi các doanh nghiệp nước ngoài chuyển một phần sản xuất ra khỏi Trung Quốc

Dịch chuyển chuỗi cung ứng và luồng vốn FDI từ Trung Quốc vào Việt Nam

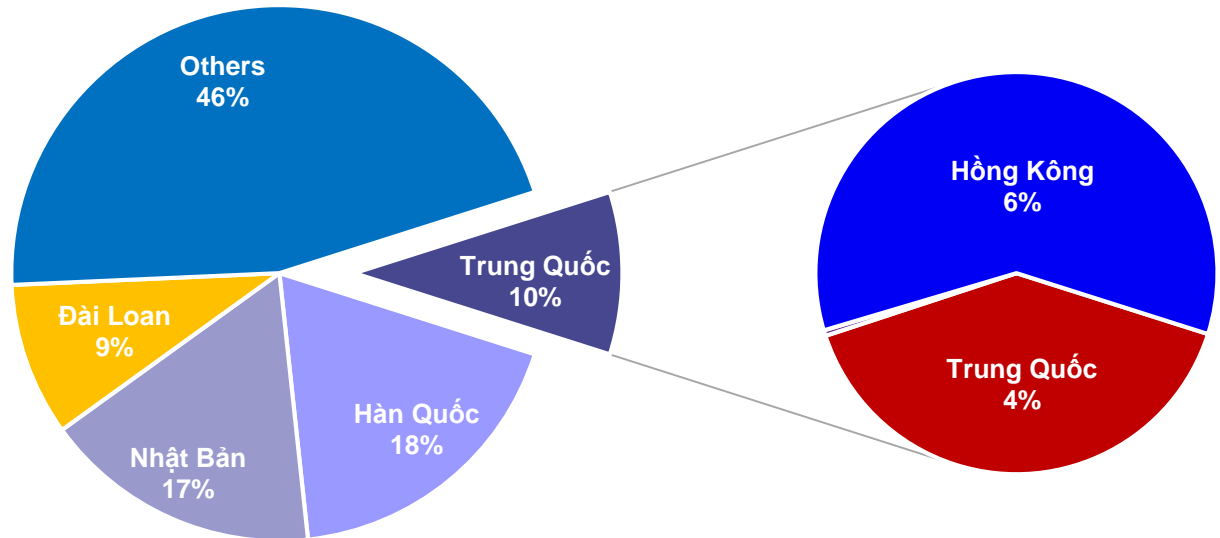
2012

Tổng lũy kế: **71.06** tỉ USD



2018

Tổng lũy kế: **340.16** tỉ USD

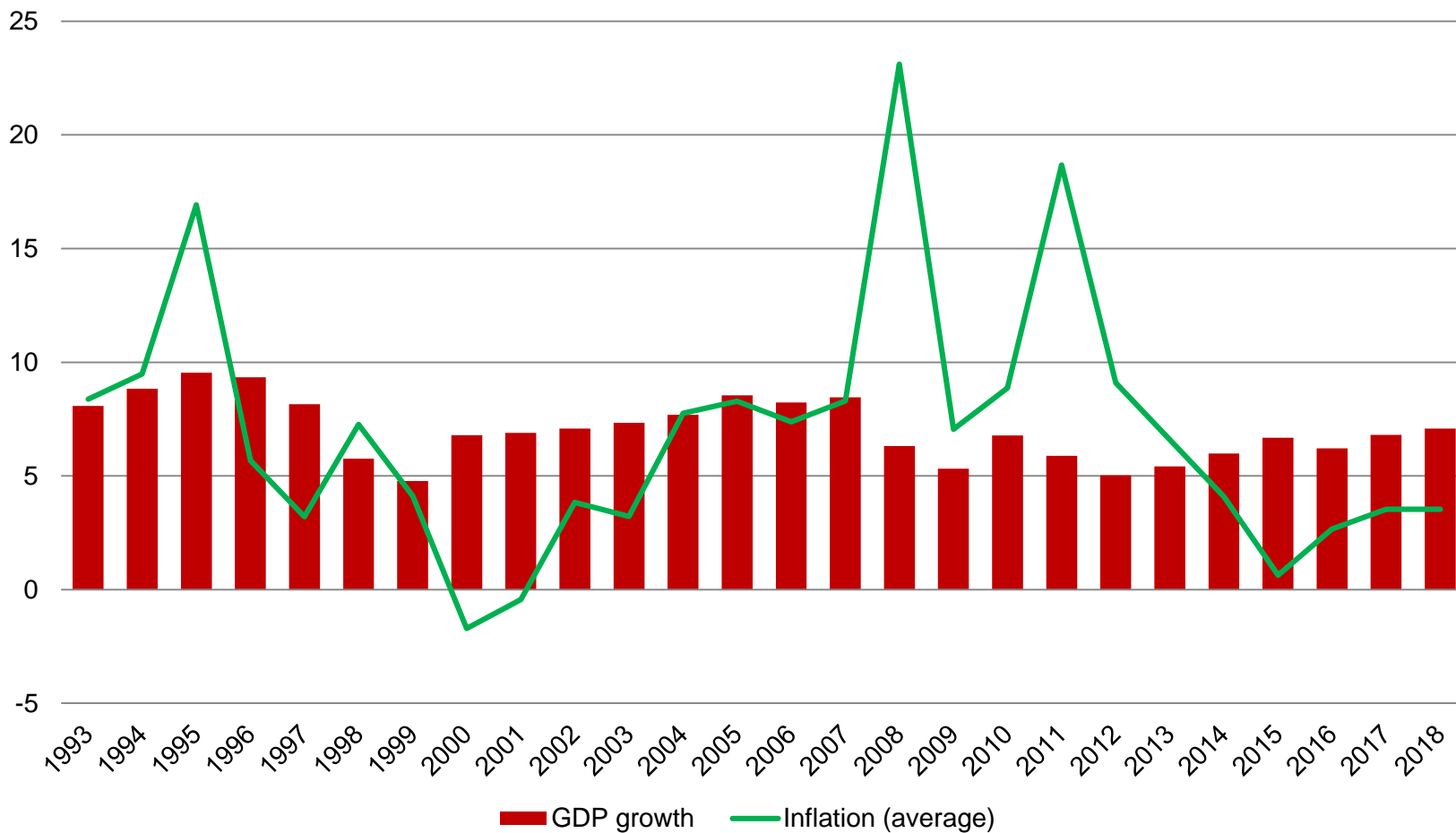


Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài (FIA), truy cập ngày 15/01/2019

- Những khó khăn, thách thức khác
 - Gia tăng hàng rào thương mại toàn cầu, thay đổi chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư, chính sách tiền tệ thắt chặt...
 - Yêu cầu cần có những cải cách cao hơn để thực hiện các cam kết quốc tế
 - Hạn chế về trình độ công nghệ đặt Việt Nam trước nhiều thách thức trong việc phát triển các xu hướng thương mại mới một cách bền vững như thương mại số, thương mại điện tử qua biên giới...
 - Nguy cơ mất việc làm, gia tăng thất nghiệp dưới tác động của cuộc CMCN lần thứ 4
- Những yếu tố thuận lợi: khả năng chống chịu của nền kinh tế đã tốt hơn, CPTPP có hiệu lực, EVFTA đã ký, tăng trưởng và năng động của khu vực v.v...

Bối cảnh nền kinh tế Việt Nam

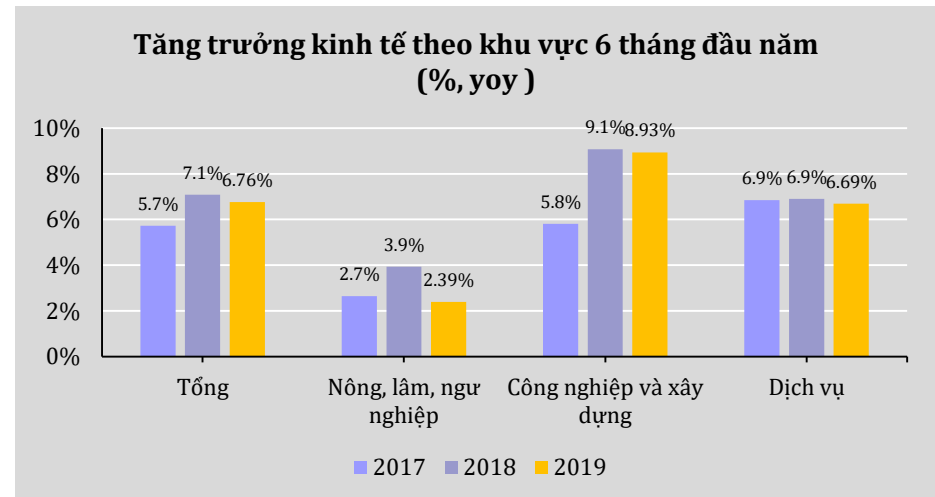
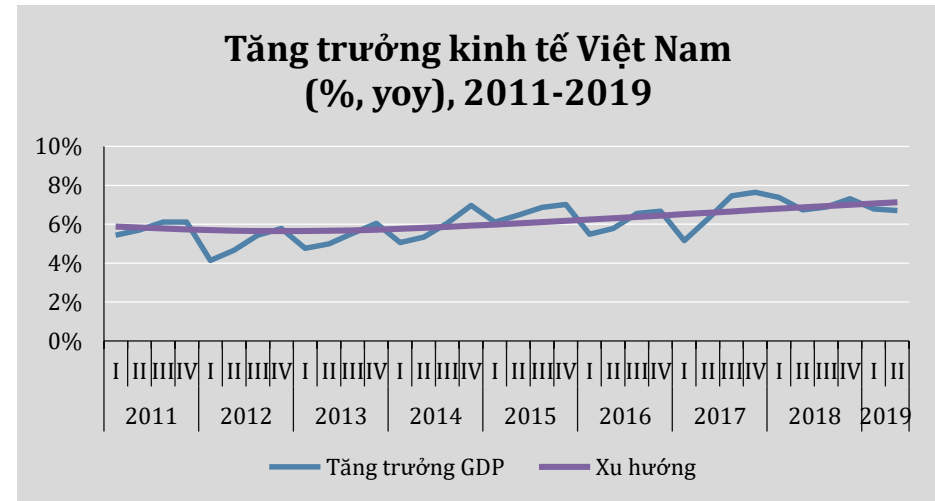
Tăng trưởng và lạm phát, 1993-2018



Source: GSO (2018)

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng 2019

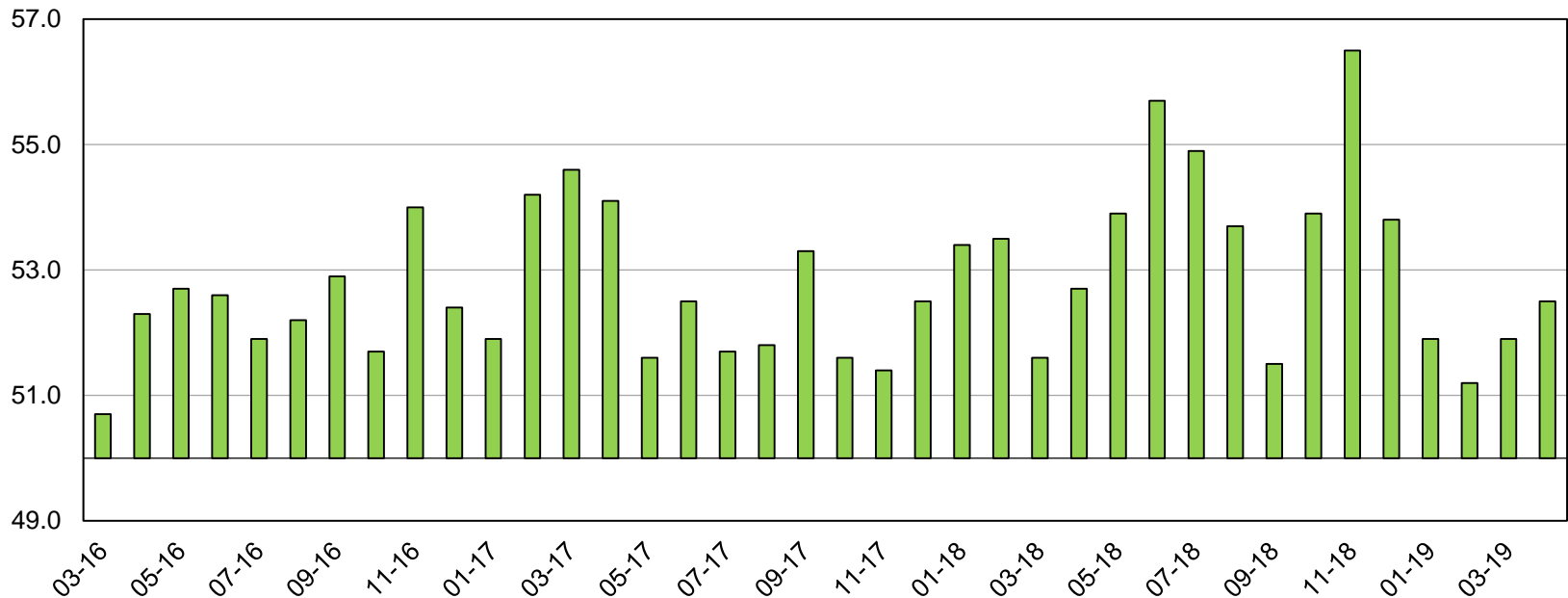
- Trong sáu tháng đầu năm, tăng trưởng đạt 6,76% (yoy), tăng trưởng ở cả ba khu vực kinh tế suy yếu
- Trong 6 tháng đầu năm, ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng khá ảm đạm, chỉ đạt 2,39% (yoy).
- Dịch vụ tăng trưởng 6,69%
- Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng ở mức 8,93%, thấp hơn so với cùng kì năm trước.



Tăng trưởng sản xuất

- Chỉ số PMI luôn trên 50 trong những năm gần đây, cho thấy quá trình mở rộng sản xuất tích cực.

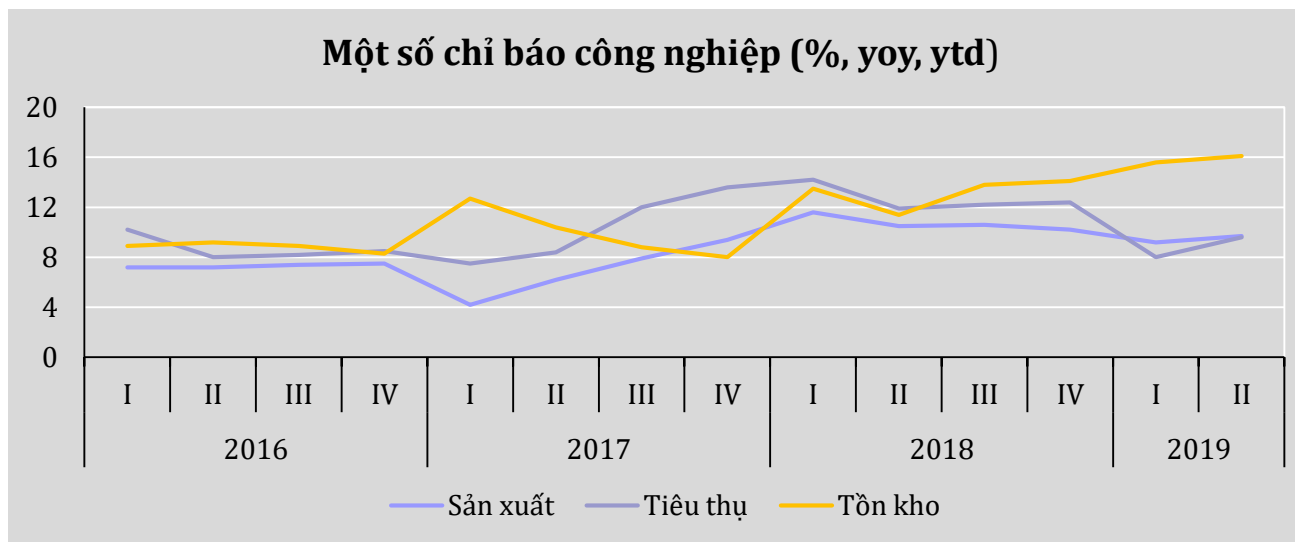
PMI, 2016 - 2019 (%)



Source: HSBC, Nikkei (2019)

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng 2019

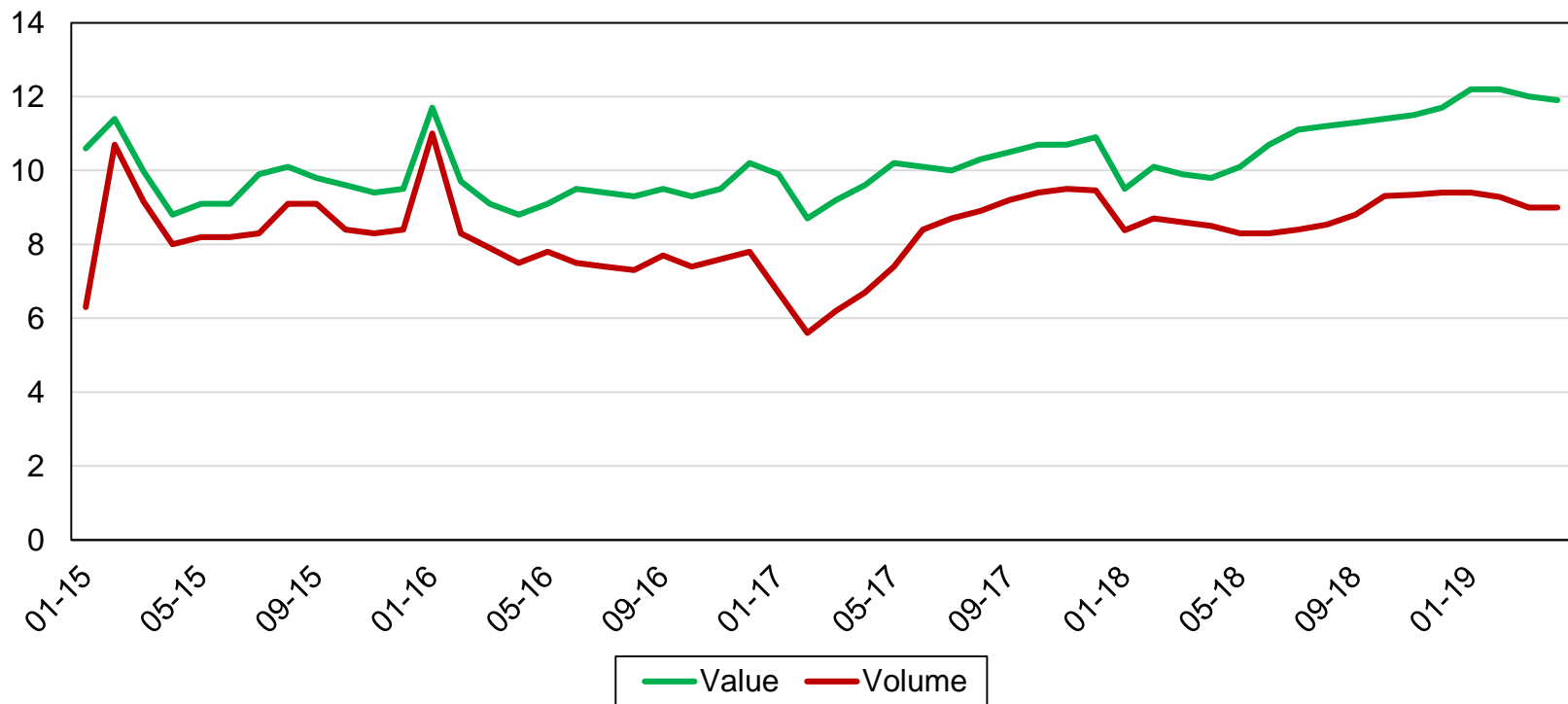
- Chỉ số sản xuất công nghiệp IPI tăng 9,7% (yoy).
- Trong 6 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ và chỉ số sản xuất đều tăng nhẹ, trong khi tồn kho lại tăng lên tới 16,1%(yoy), gây nguy cơ xảy ra đình trệ sản xuất tạm thời, doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất.



VEPR Doanh số bán lẻ

- Tăng trưởng bán lẻ tích cực cũng là một chỉ báo cho thấy nền kinh tế đang trong chu kỳ mở rộng. Ví dụ, thực phẩm (12.6%); đồ gia dụng (12.3%); may mặc (12.4%), v.v..

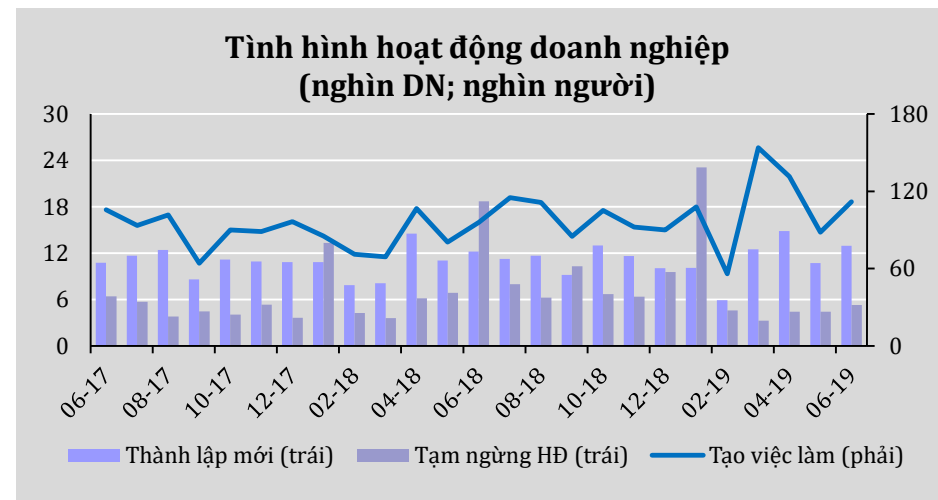
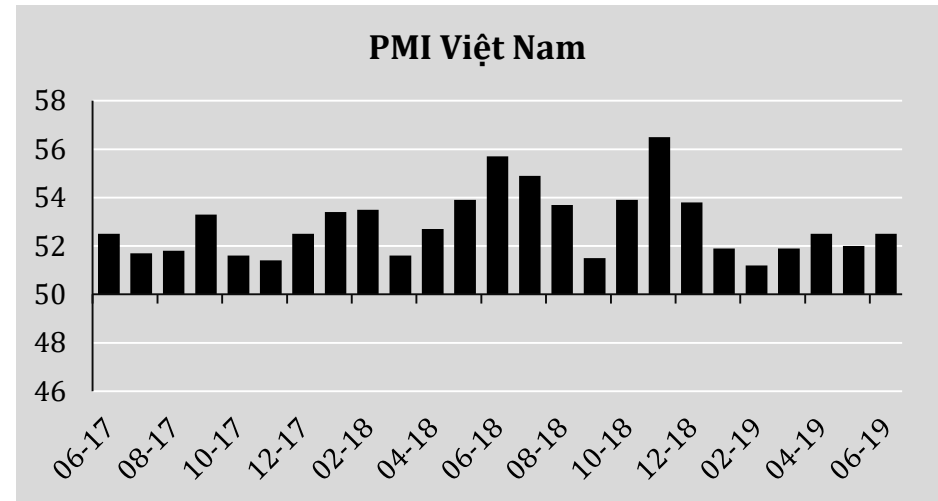
Tăng trưởng bán lẻ, 2015 - 2019 (% , yoy)



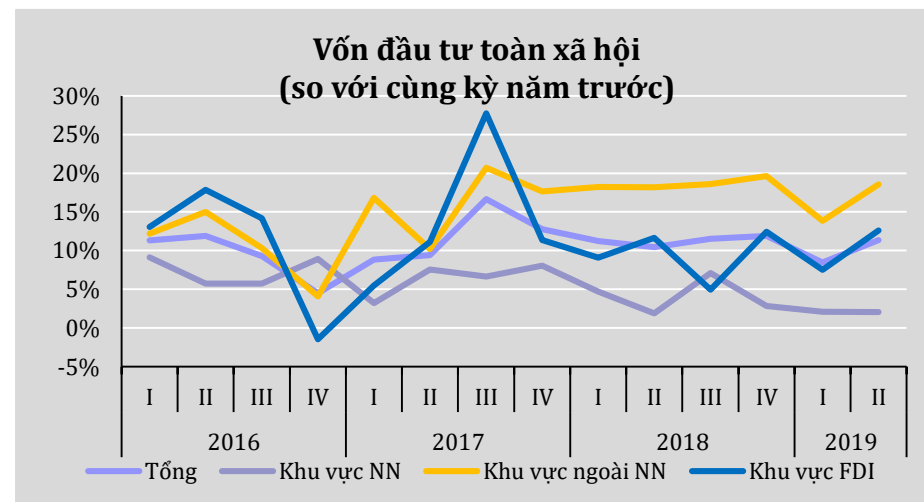
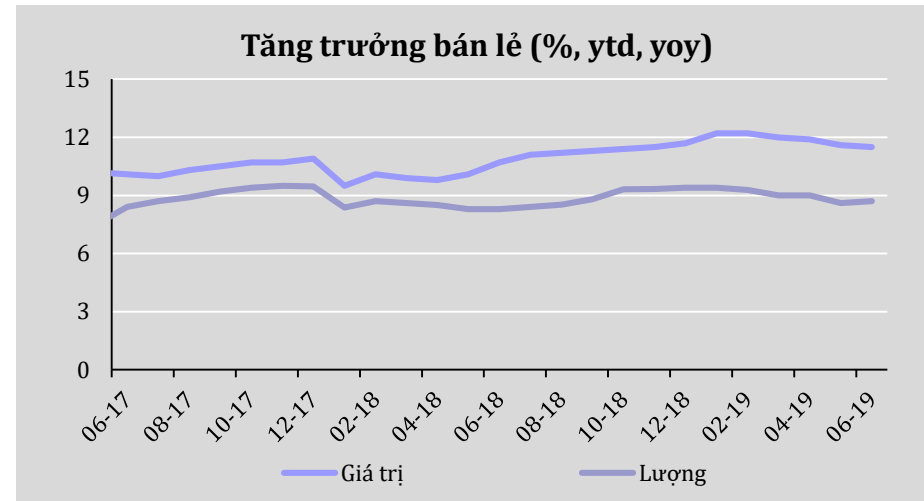
Source: GSO (2019a)

Tình hình hoạt động doanh nghiệp

- PMI Q2 tăng trở lại, ở mức 51,9 điểm.
- Số DN thành lập mới 38.514 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 484,7 nghìn tỷ đồng, tăng 30,8% (yoy).
- Số DN tạm ngừng hoạt động trong Q2 thấp hơn so với cùng kì năm trước, chủ yếu các doanh nghiệp bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe.
- Lao động có xu hướng chuyển dịch ra ngoài khu vực công nghiệp, tăng trưởng lao động trong ngành đạt mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây (2,3% (yoy)). Lao động trong nhóm FDI chỉ chiếm dưới 10% tổng lượng lao động



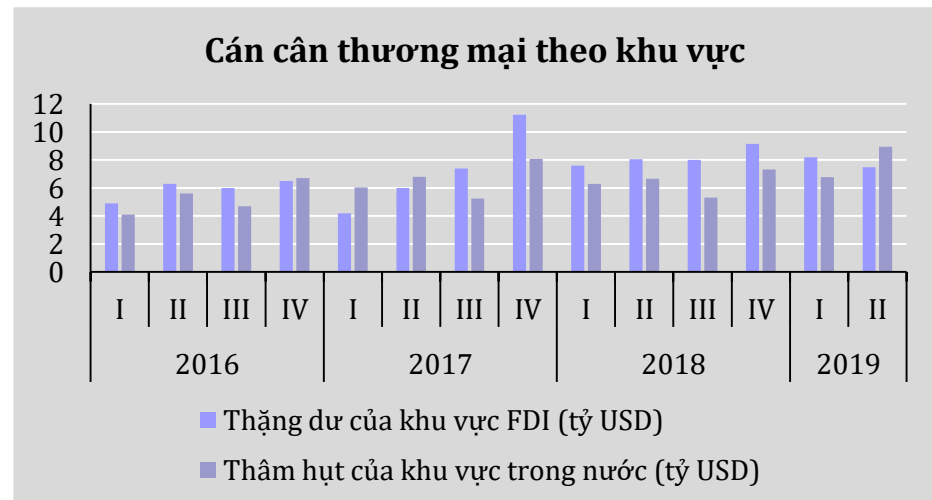
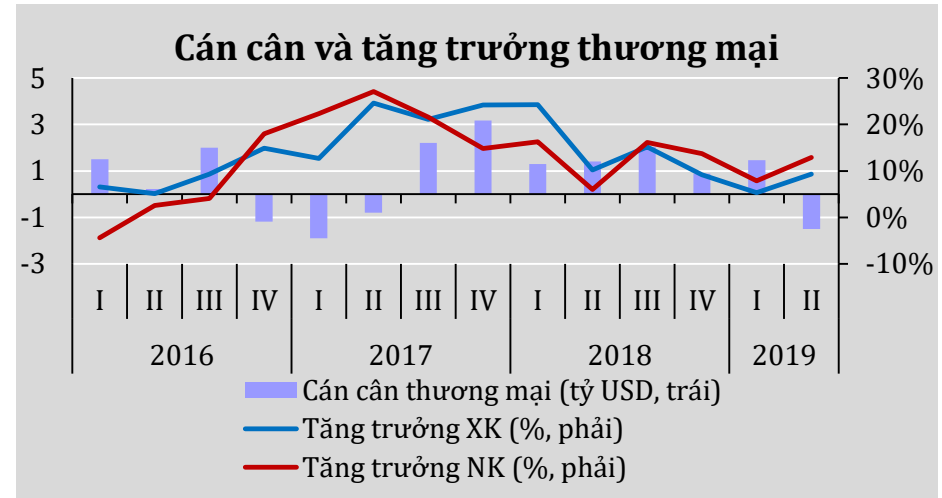
- Sáu tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.391,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% (yoy).
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10,3% (yoy), khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư (43,6%), tăng trưởng cao đạt 16,4%
- Lượng vốn FDI tăng trưởng bất ổn qua các Quý từ năm 2018 đến nay.
- Trong Q2/2018, Trung Quốc tiếp tục là nhà đầu tư lớn nhất.



- Thu ngân sách đạt 597.786 tỷ đồng tăng so với cùng kì năm trước.
- Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu có đóng góp lớn vào thu NS nhưng dự báo sẽ giảm dần do tác động giảm thuế từ các FTA và hiệp định EVFTA.
- Cơ cấu thu thuế từ các khu vực kinh tế còn tồn đọng nhiều vấn đề: : nhóm doanh nghiệp và tổ chức ngoài quốc doanh chiếm khoảng 8% cơ cấu GDP nhưng đóng góp tới 36,35% (năm 2018) nguồn thu thuế từ sản xuất kinh doanh
- Bộ Tài chính cũng dự toán bội chi 222 nghìn tỷ đồng, tương ứng với 3,6% GDP.

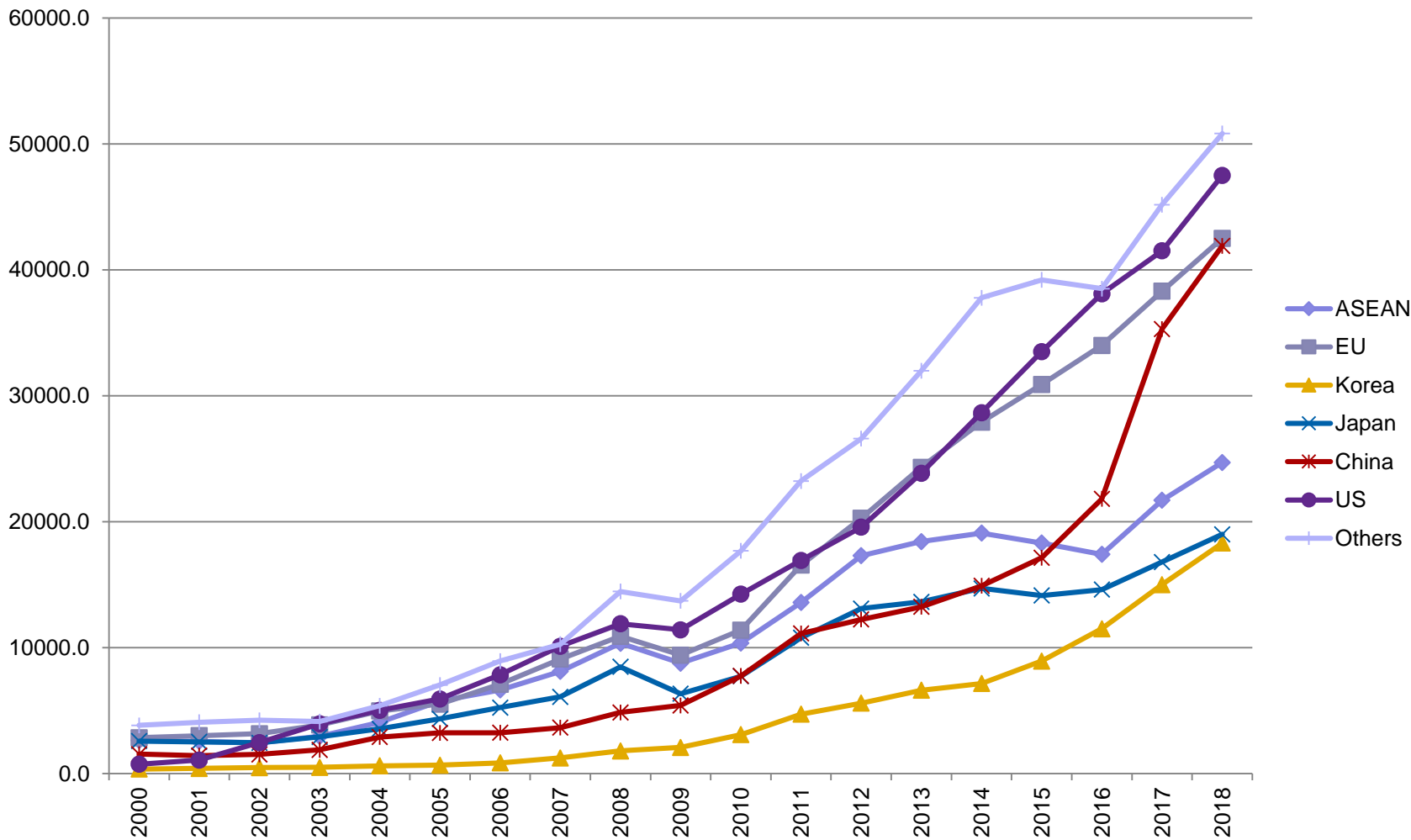
Cán cân thương mại

- Cán cân thương mại hàng hóa trong Quý 2 ước tính thâm hụt 1,5 tỷ USD. khu vực kinh tế trong nước thâm hụt 8,94 tỷ USD.
- Tính chung 6 tháng đầu năm, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 27,5 tỷ USD, tăng 27,4% (yoy). Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 36,8 tỷ USD, tăng 21,8% (yoy).
- Kí kết hiệp định EVFTA với EU vào cuối tháng 6 hứa hẹn sẽ đem lại nhiều cơ hội cho ngành xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.



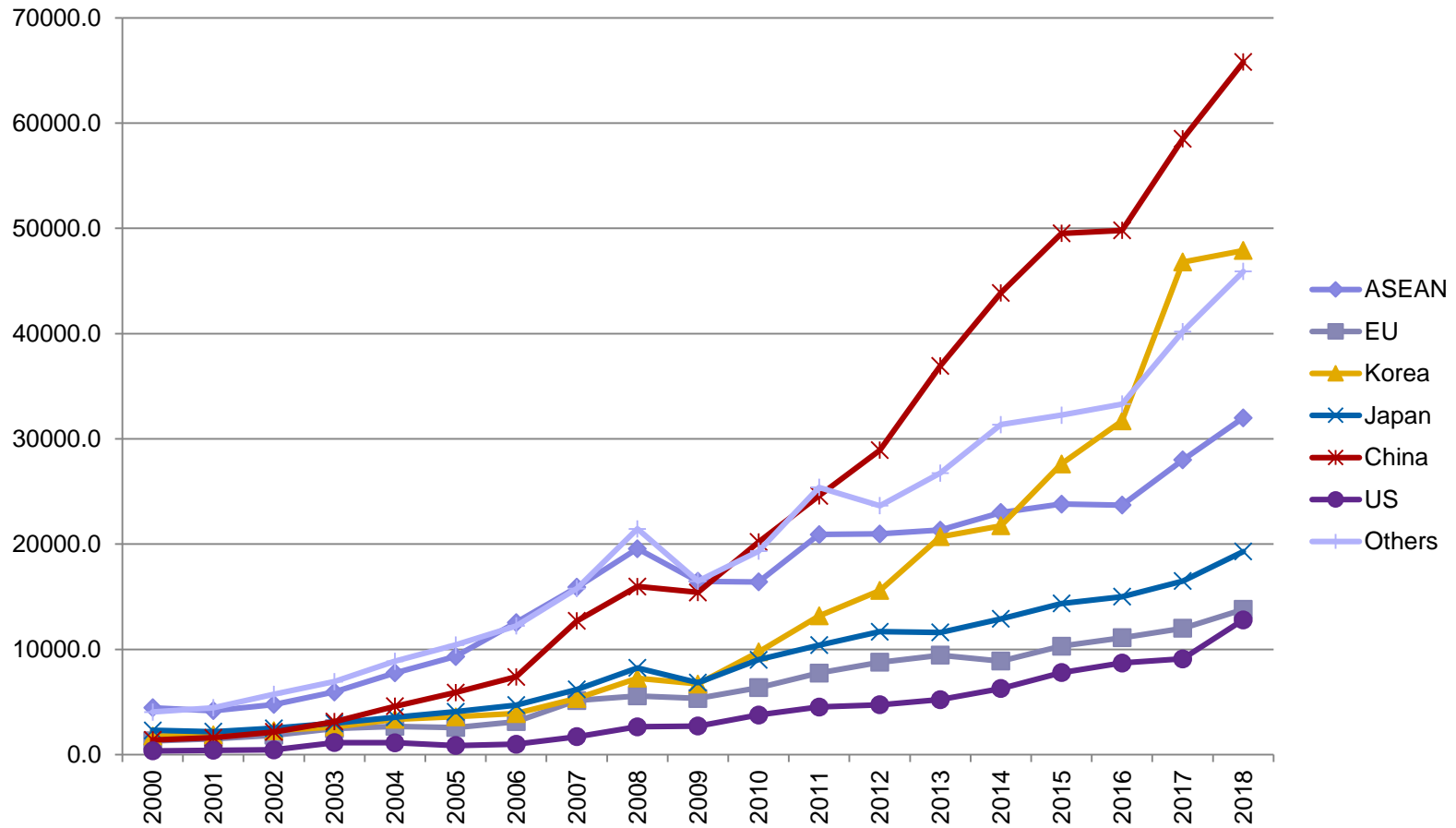
FTAs đang đàm phán (3)	FTAs đã ký kết (3)	FTAs đã được triển khai (10)
<ul style="list-style-type: none"> • Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) • Vietnam and the European Free Trade Association (EFTA) • Vietnam-Israel FTA 	<ul style="list-style-type: none"> • Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) • ASEAN-Hong Kong FTA • EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) 	<ul style="list-style-type: none"> • ASEAN FTA (AFTA) • ASEAN-China • ASEAN – India • ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership (AJCEP) • ASEAN - South Korea FTA • Japan-Vietnam Economic Partnership Agreement (JVEPA) • ASEAN - Australia/New Zealand FTA • Vietnam-Chile FTA • Vietnam - South Korea FTA • Eurasian Economic Union (EAEU)

Kim ngạch xuất khẩu theo nước, 2000-2018



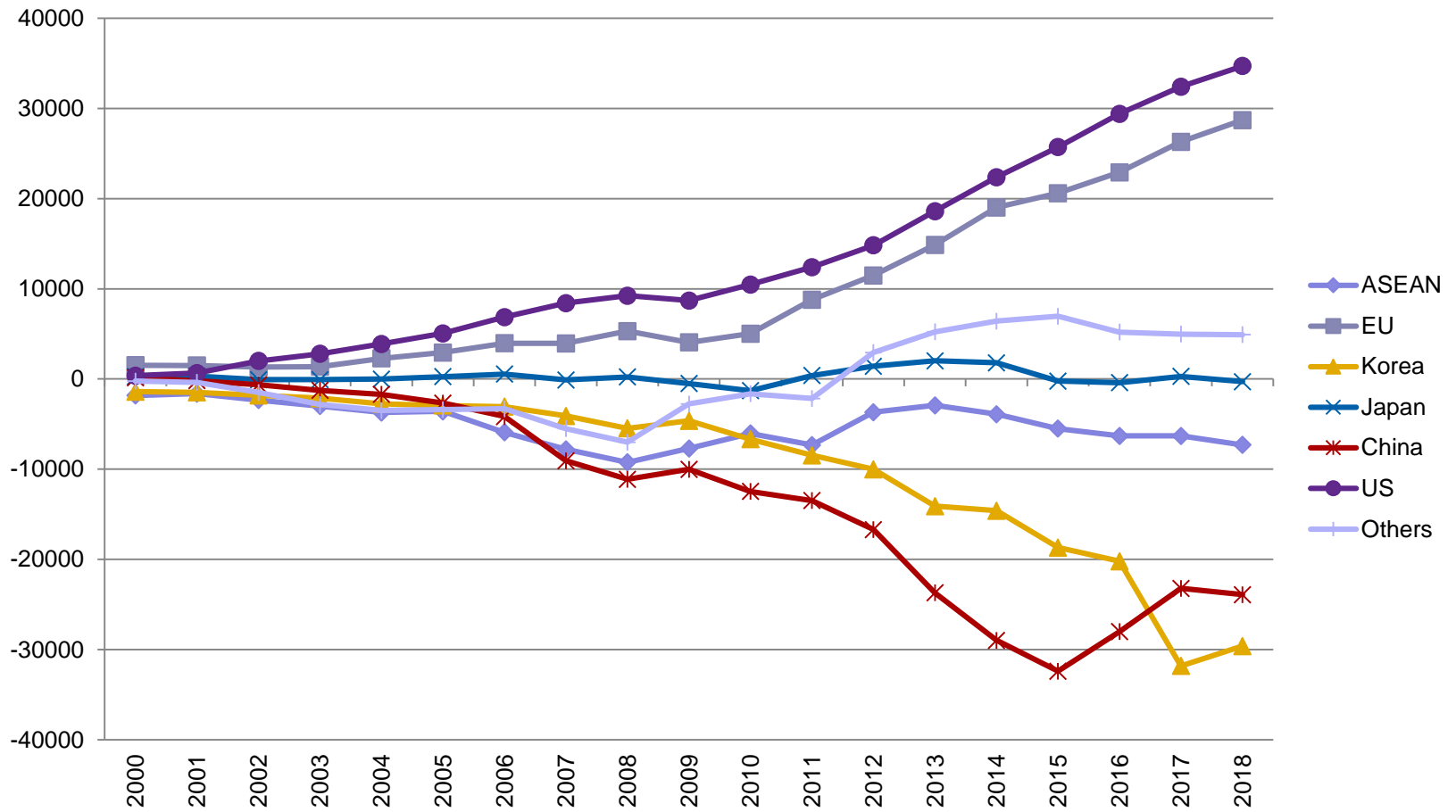
Source: GSO (2018)

Kim ngạch nhập khẩu theo nước, 2000-2018



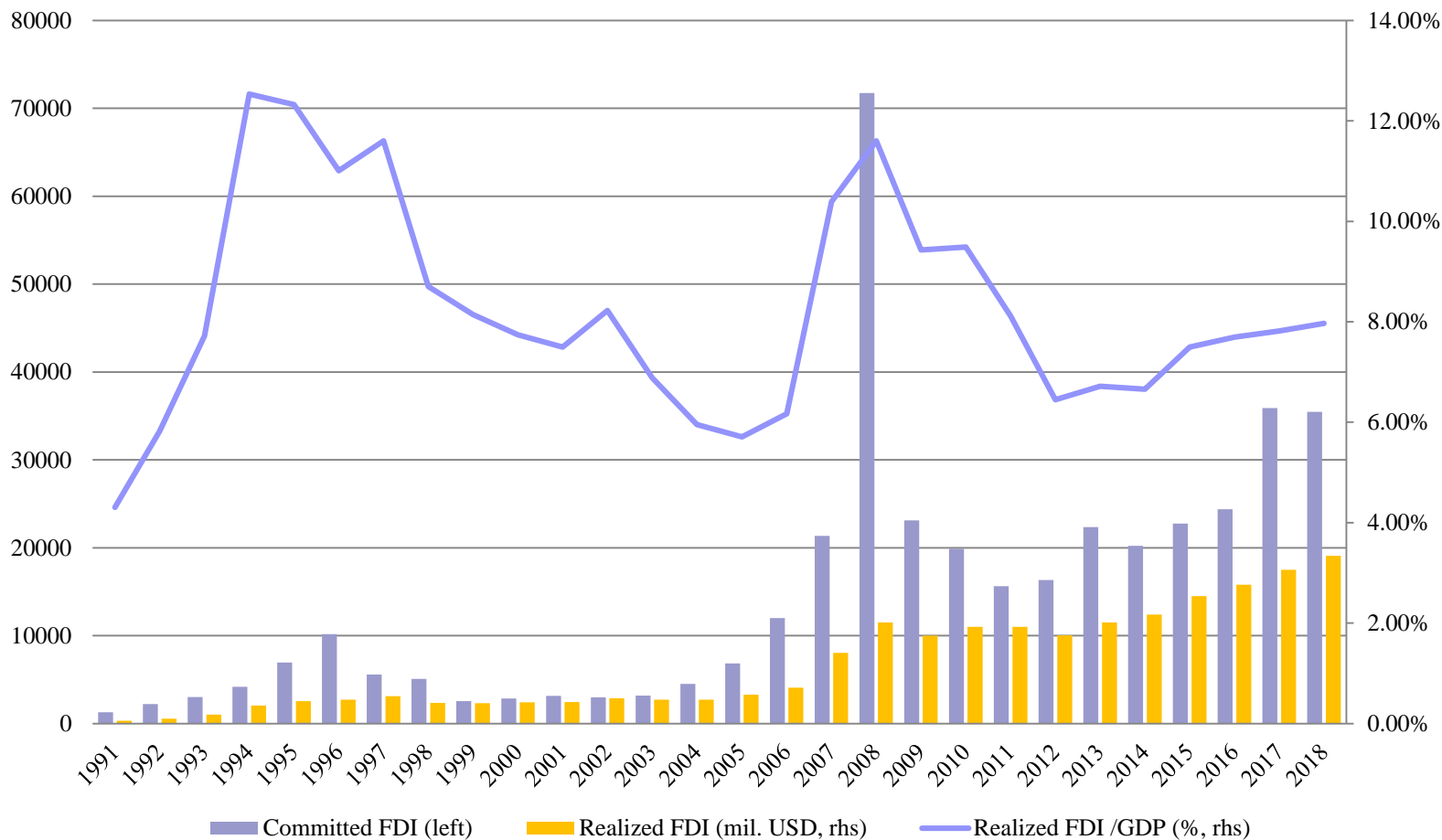
Source: GSO (2018)

Cân đối thương mại theo nước, 2000-2018



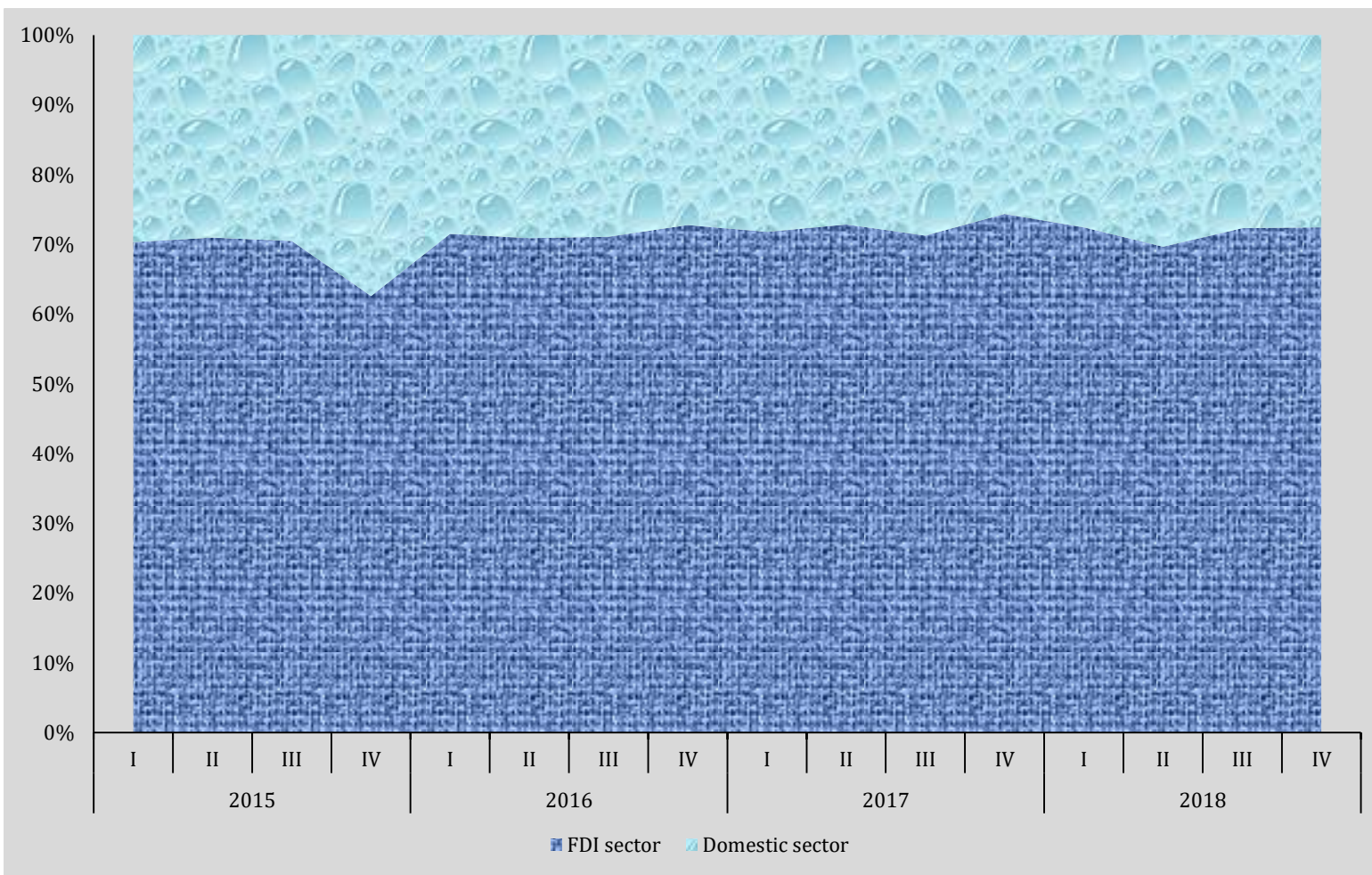
Source: GSO (2018)

Dòng vốn FDI vào VN, 1991-2018



Source: Authors' calculation from GSO, MPI and CEIC database

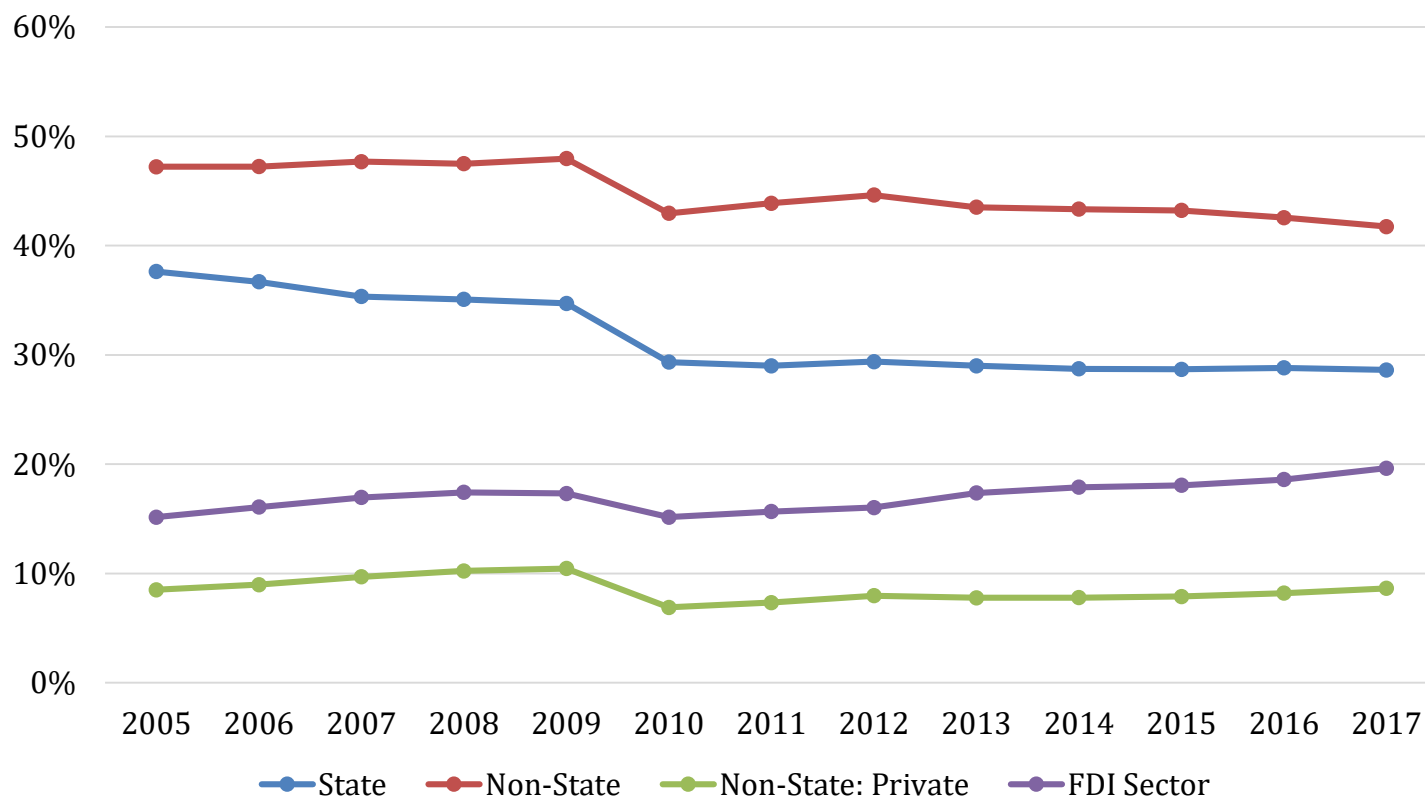
Đóng góp của khu vực FDI và nội địa vào xuất khẩu của VN



Một số vấn đề cơ bản của nền kinh tế Việt Nam

- Các đặc điểm cấu trúc kinh tế
- Đặc điểm dân số và lực lượng lao động
- Năng suất thấp
- Mắc kẹt dưới đáy chuỗi giá trị toàn cầu
- Môi trường kinh doanh
- Các vấn đề tài khóa (thâm hụt ngân sách và nợ công)

Đóng góp vào GDP theo thành phần kinh tế (%), 2005-2017



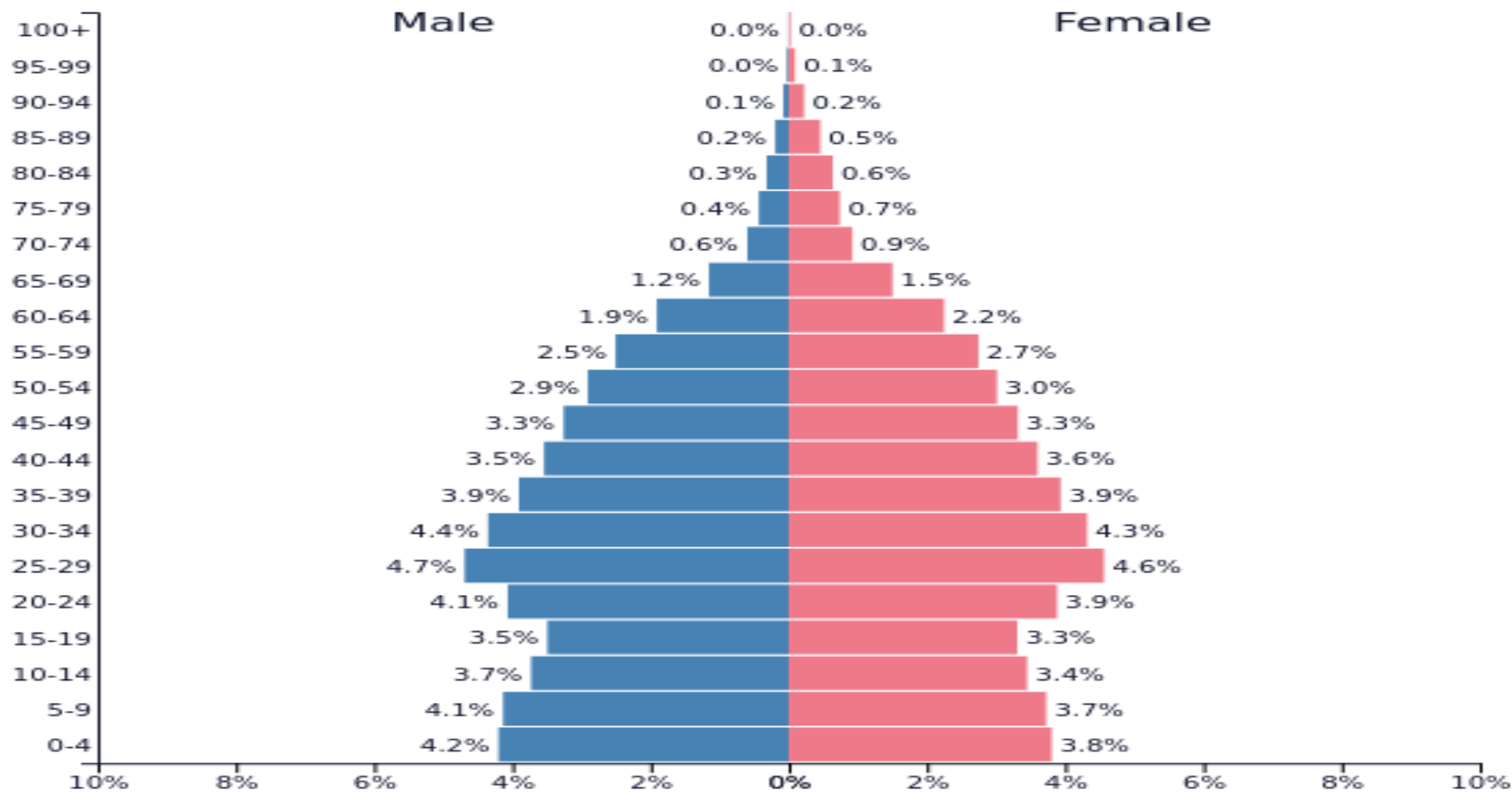
Source: CEIC (2018)

Cấu trúc kinh tế ngành, so sánh quốc tế (2015, %)

	Nông Nghệp	Công Nghệp	Dịch Vụ
Viet Nam	18,89	36,95	44,16
Trung Quốc	8,88	40,93	50,19
Thái Lan	9,14	32,83	58,03
Thế Giới	3,86	27,62	68,52

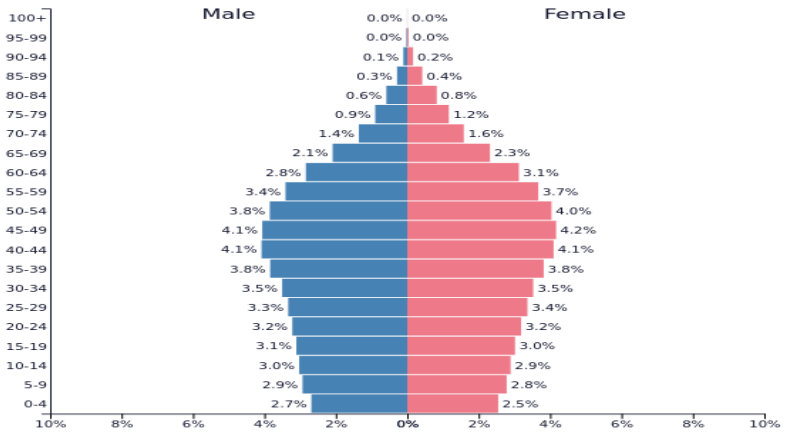
Source: VEPR (2019)

Cấu trúc dân số của VN, 2018

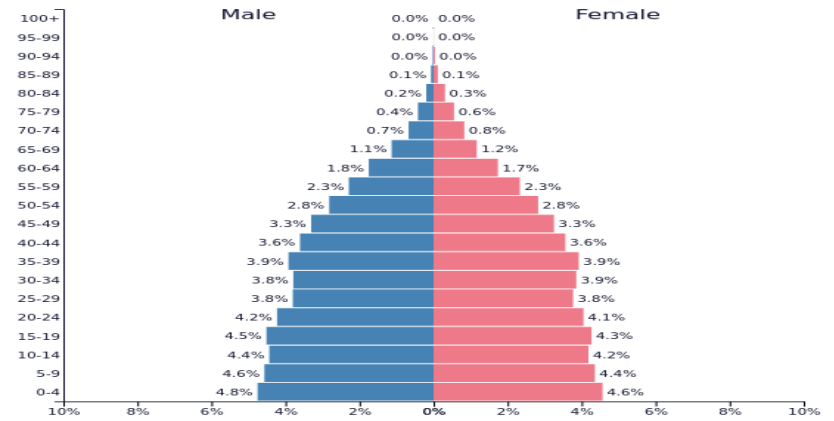


Viet Nam - 2018
Population: **96,356,744**

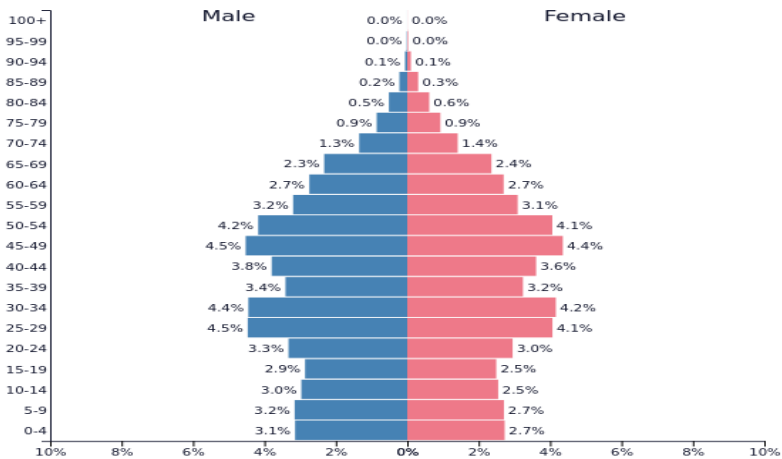
Cấu trúc dân số một số nước trong khu vực, 2018



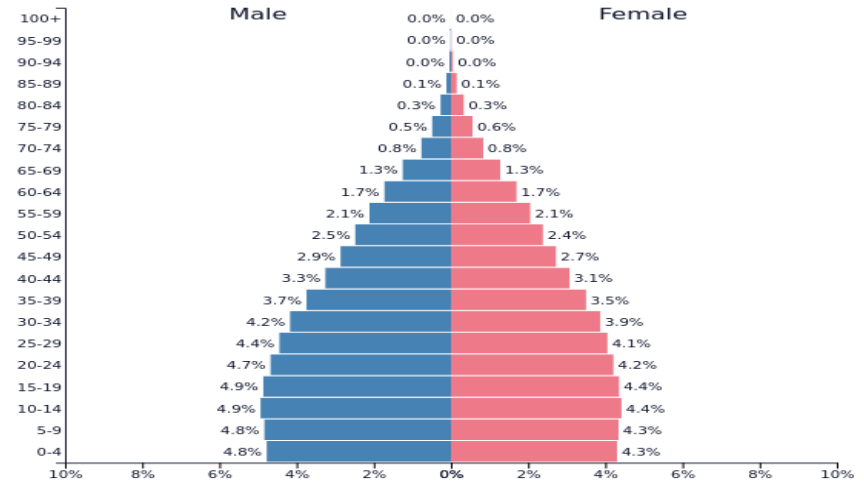
Thailand - 2018
Population: **68,415,739**



Indonesia - 2018
Population: **266,357,297**

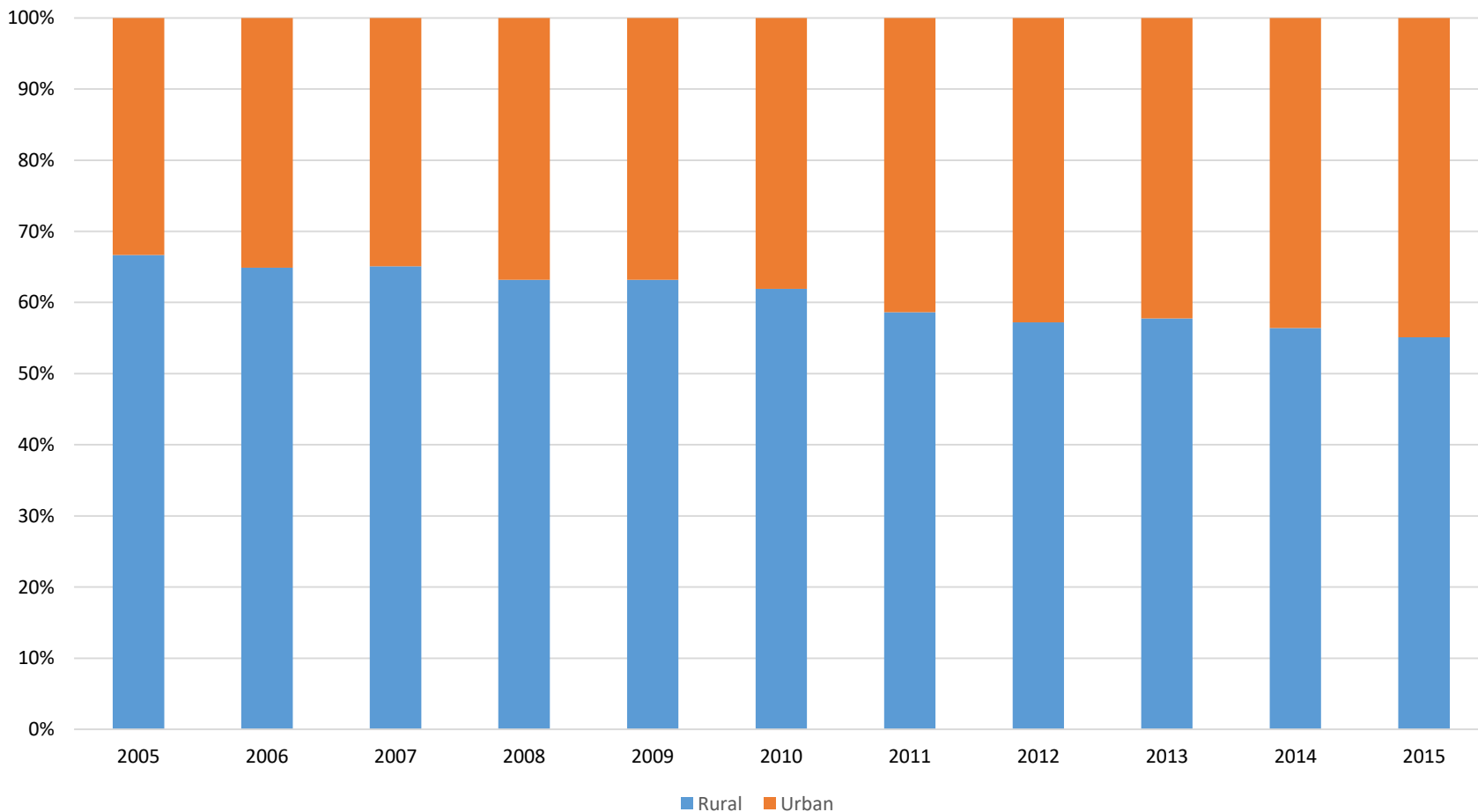


China - 2018
Population: **1,393,686,493**



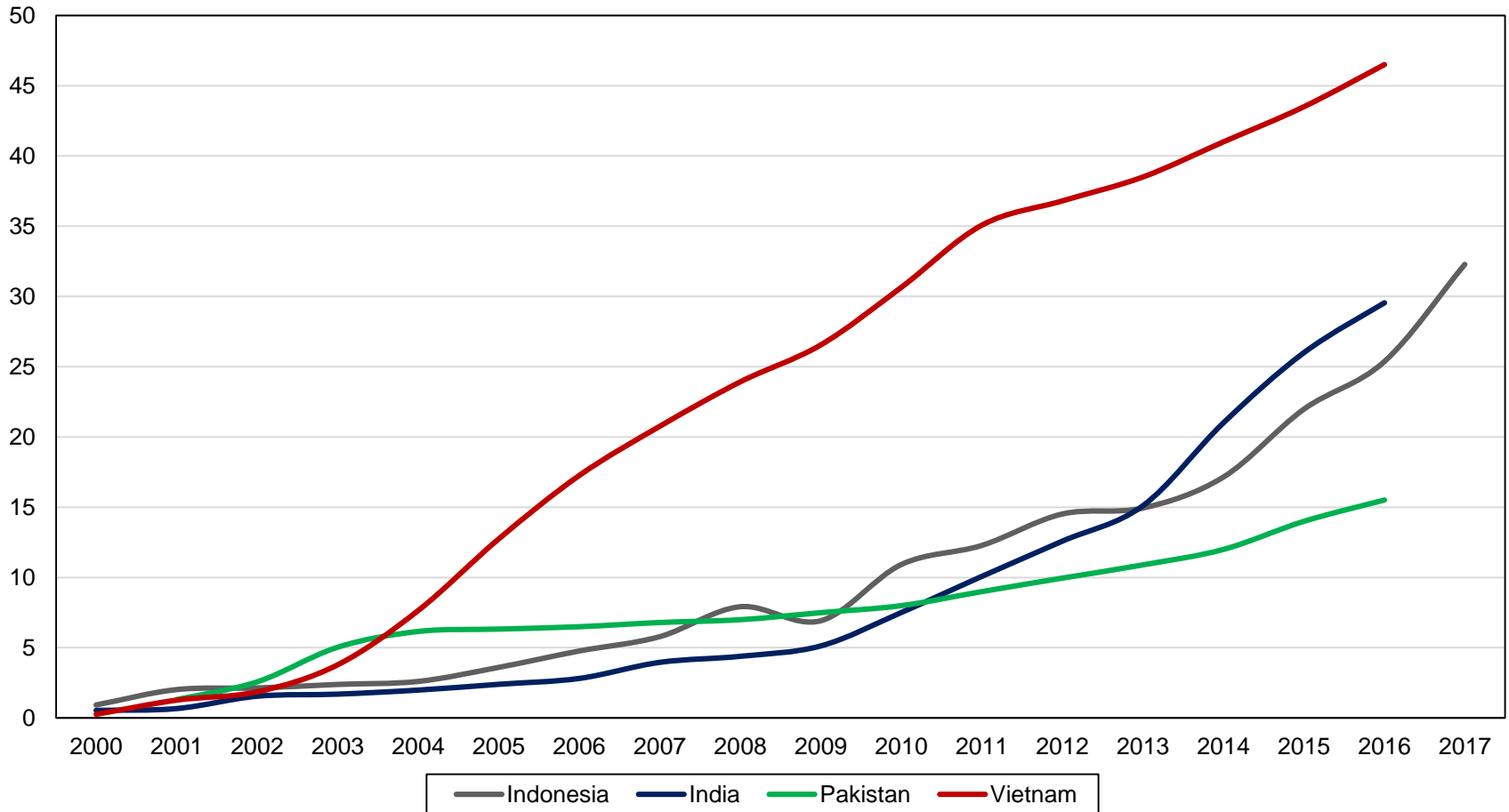
India - 2018
Population: **1,358,137,719**

Cơ cấu lực lượng lao động phân theo khu vực nông thôn-thành thị, 2005-2015

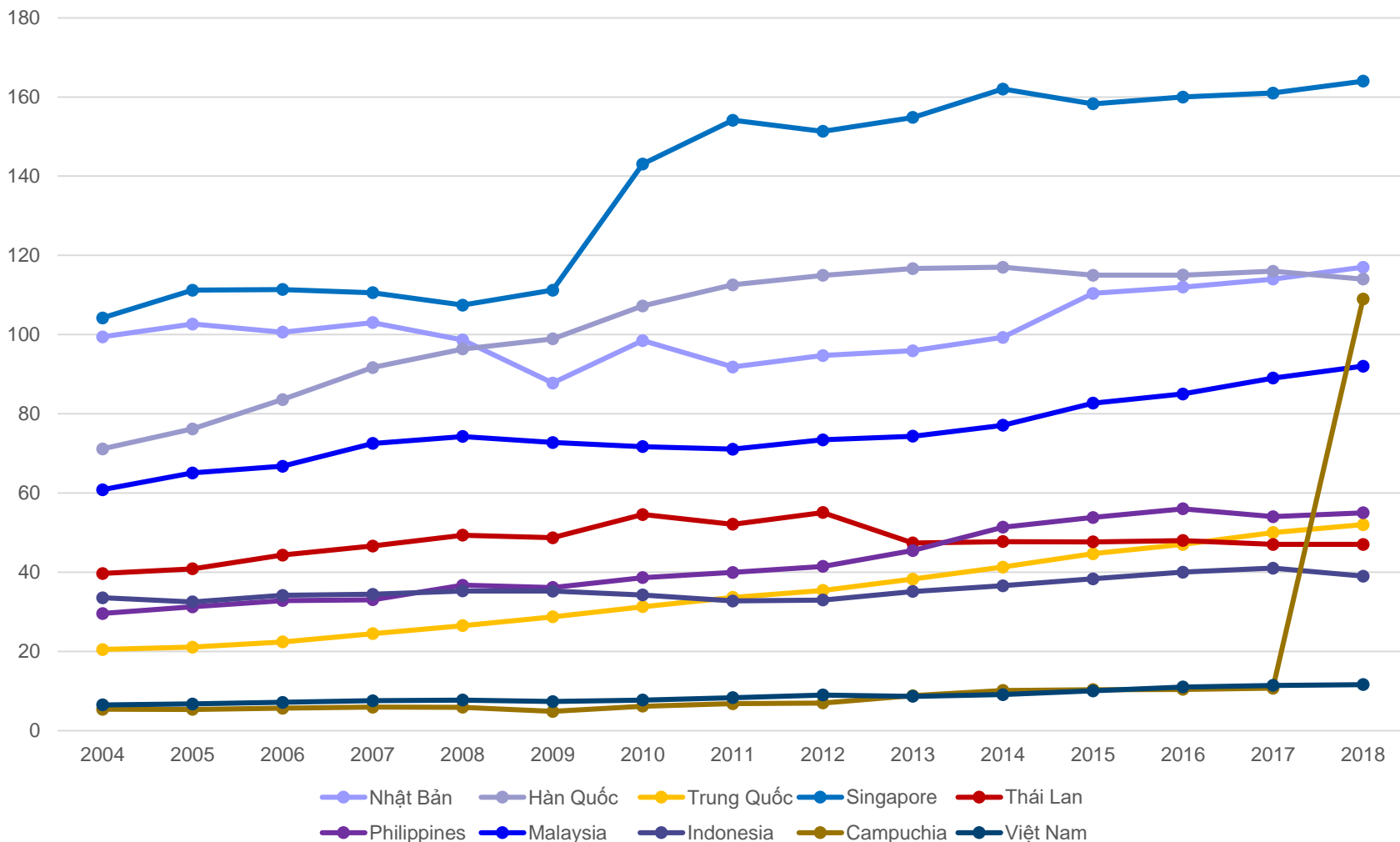


Source: VEPR (2019)

Tỷ lệ dân số dùng internet ở VN và một số nước



Năng suất lao động của ngành sản xuất chế tác giữa các nước, 2004-2018



Source: VEPR (2019)

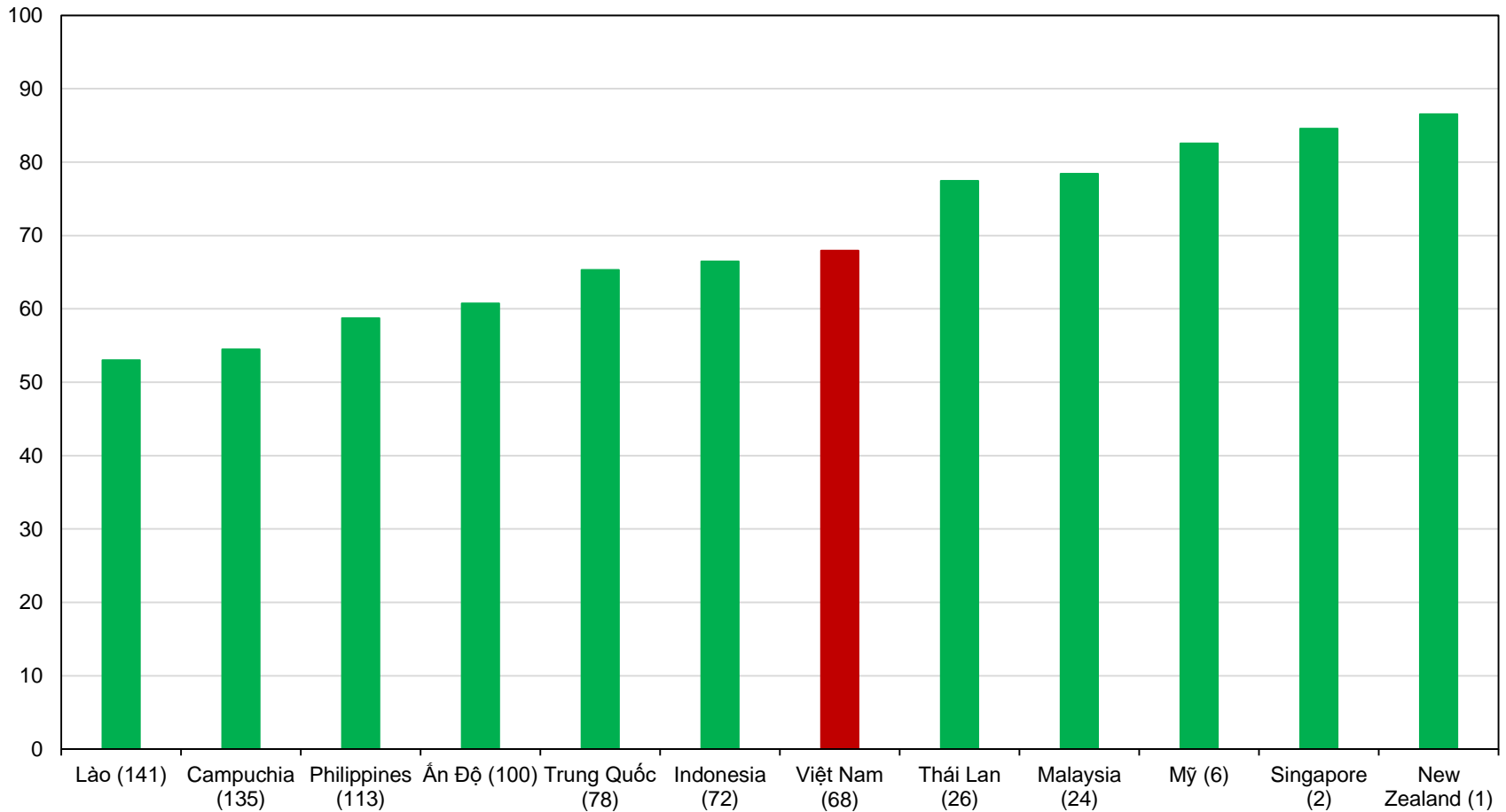
Sự tham gia của VN vào chuỗi giá trị toàn cầu, 1995-2015 (%)

Năm	Liên kết trước (Forward linkage)	Liên kết sau (Backward linkage)	Mức độ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu
1995	12.6	21.6	34.2
2000	19.5	27.2	46.7
2005	14.5	36.1	50.6
2010	12.5	40.5	53.0
2015	11.1	44.5	55.6

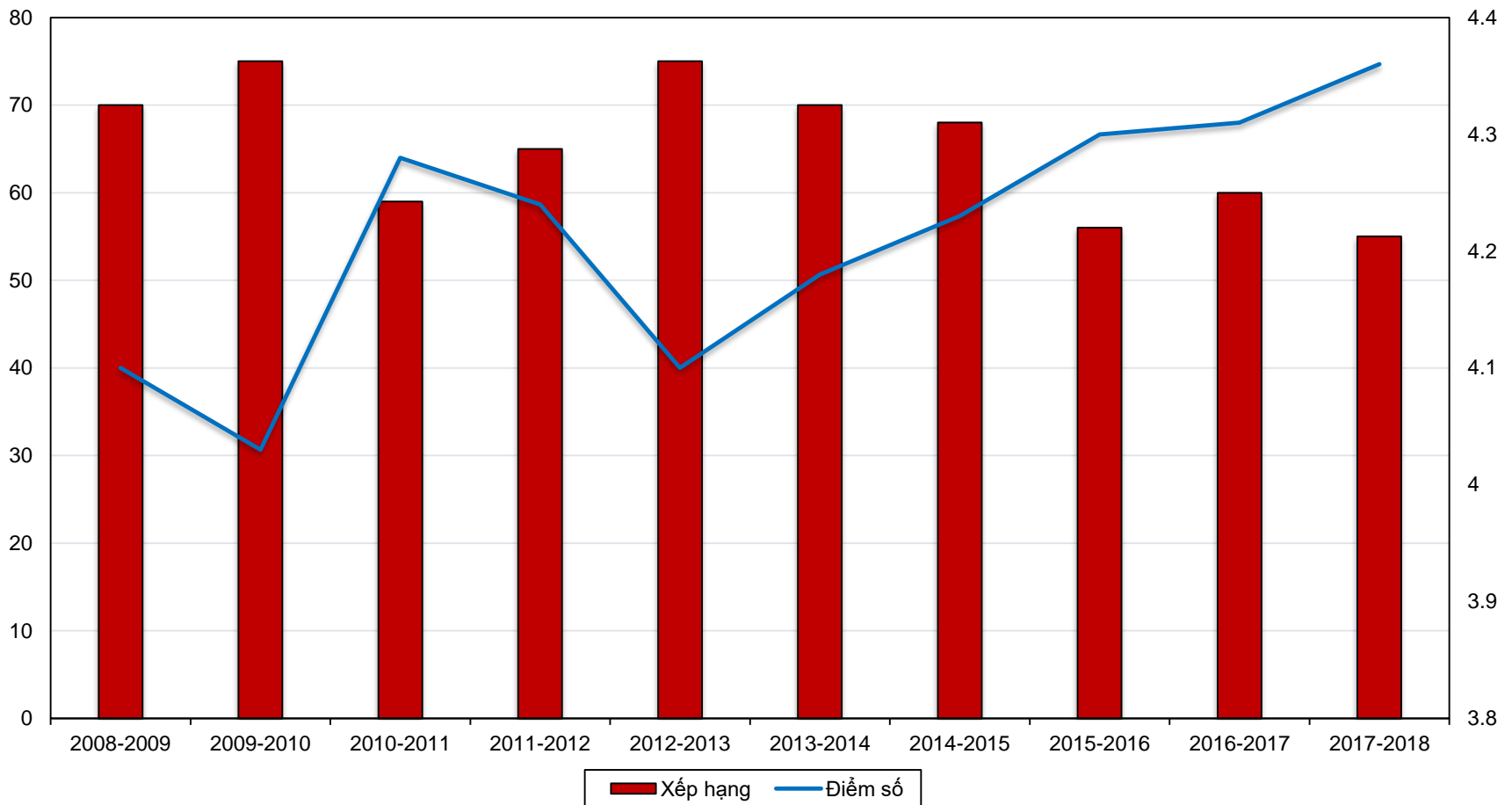
Source: VEPR (2019)

VEPR

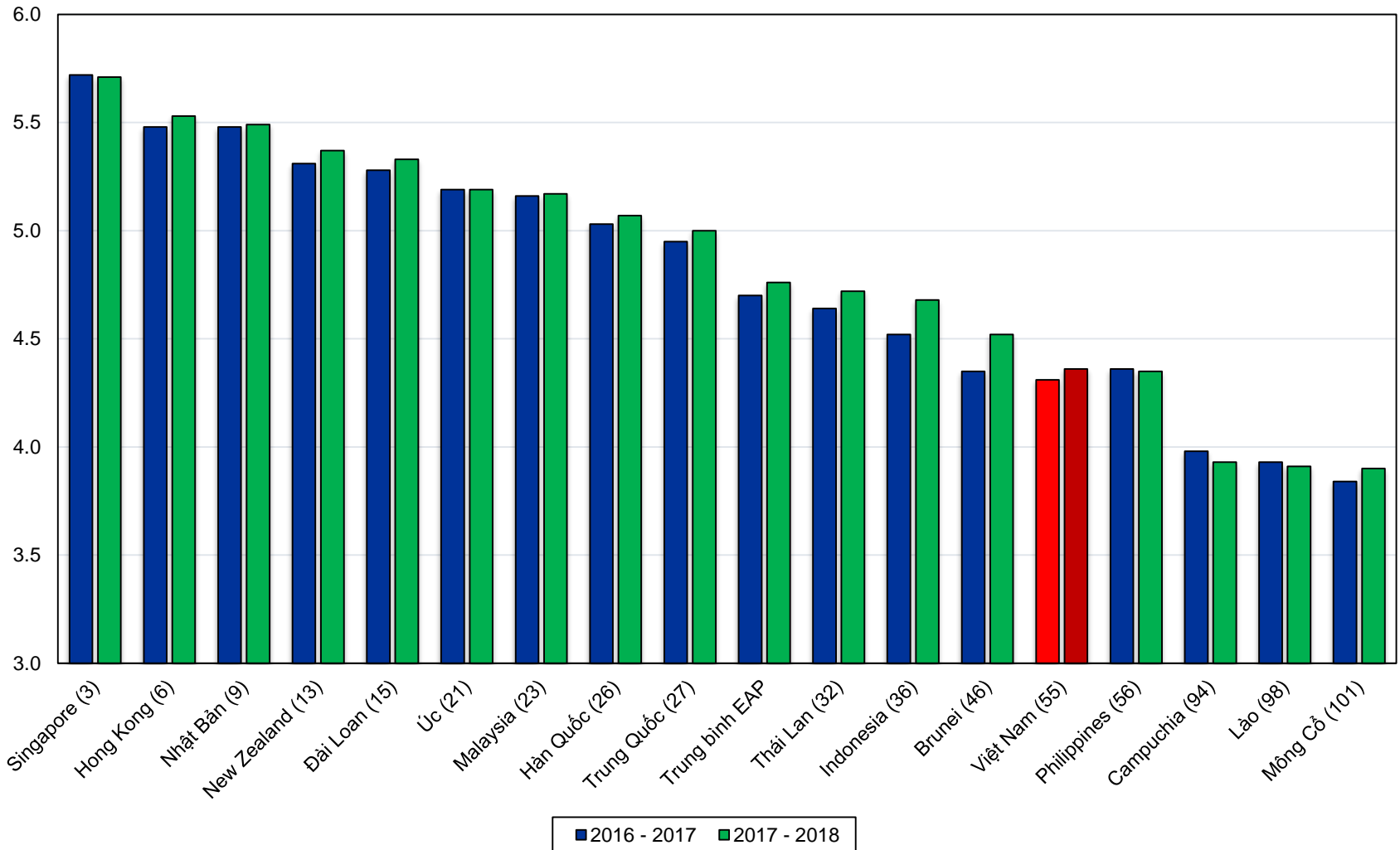
Chỉ số Môi trường Kinh doanh của WB, 2018



Chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của VN, 2008-2018

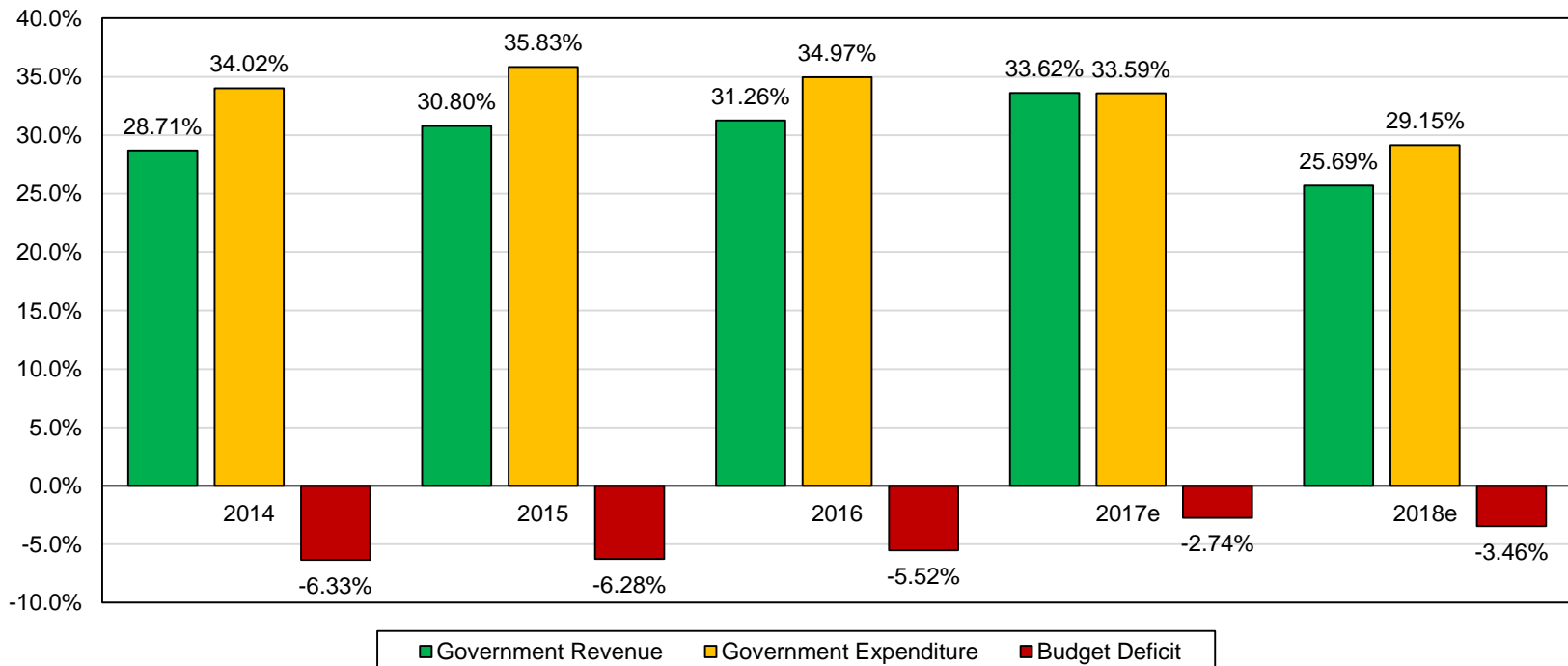


So sánh chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của VN với khu vực



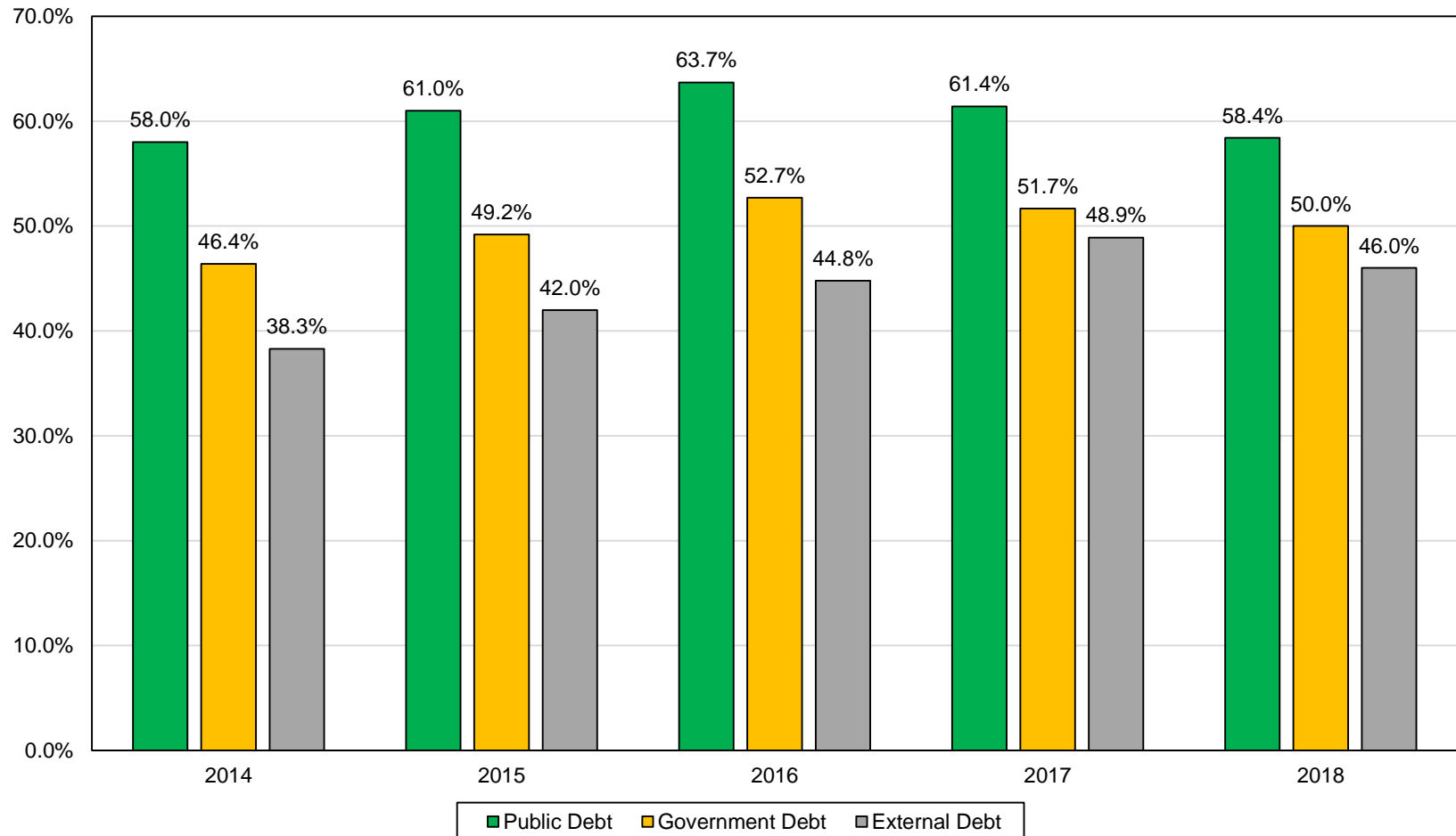
- Thâm hụt ngân sách năm 2018 vào khoảng 191,5 ngàn tỷ VND, tương đương 3,46% GDP, thấp hơn dự báo đầu năm (3,7%).
- Thu ngân sách/GDP giảm mạnh xuống còn 25,7% trong năm 2018

Government Finance, 2014 – 2018 (% GDP)



Source: MOF (2019)

Public, Government and External Debt, 2014 – 2018 (% GDP)



Source: MOF (2019)

Những rủi ro đáng lưu ý

- Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Cơ cấu nhập khẩu tập trung vào các máy móc thiết bị, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ cho xuất khẩu. Do vậy, cần giải quyết bài toán “phát triển các ngành phụ trợ”, “nền kinh tế gia công” và những giải pháp để vượt qua “bẫy kinh tế gia công”.
- Lạm phát trong năm 2019-2020 được dự đoán sẽ trở nên khó kiểm soát hơn khi tác động của việc điều chỉnh giá năng lượng vừa qua đối với giá cả tiêu dùng mới chỉ bắt đầu, và sẽ còn kéo dài trong thời gian tới. Điều này đe dọa chính sách tiền tệ phải chặt chẽ hơn.
- Thâm hụt ngân sách dai dẳng, tiềm ẩn nhiều rủi ro tài khóa. Nên có thể sẽ phải đưa ra những sắc thuế mới hoặc tăng các sắc thuế cũ.
- Tiềm năng xung đột kinh tế Mỹ - Trung đem đến những sức ép mới khiến Việt Nam sẽ đứng trước nguy cơ nhập siêu trầm trọng hơn từ thị trường Trung Quốc và sự đội lốt hàng Việt Nam để né thuế của Mỹ.
- Tác động của thay đổi công nghệ có thể đến nhanh hơn dự tính.
- Thiếu lao động có kỹ năng trong các ngành mới nổi, bao gồm cả các ngành đang muốn đổi mới như ngành dịch vụ tài chính.

- Kinh tế thế giới chứng kiến sự suy giảm tăng trưởng đồng loạt trong Quý 2/2019. Căng thẳng thương mại tiếp tục đặt nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc dưới nhiều bất ổn, đồng Euro giảm giá mạnh so với USD và GBP, Nhật Bản vẫn chưa thoát khỏi cơn khát nhân lực.
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong Q2 ở mức 6,71%, phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Cả ba khu vực đều trải qua mức tăng trưởng yếu trong sáu tháng đầu năm.
- Việc gia tăng đều giá nhóm hàng giáo dục, giá lương thực, thực phẩm tăng do dịch tả lợn châu Phi cùng với giá nhiên liệu biến động bất ổn khiến lạm phát tiềm ẩn nhiều nguy cơ tăng cao trong thời gian tới.

- Sự chuyển dịch của dòng FDI vào Việt Nam nhằm tận dụng cơ hội từ CPTPP, EVFTA và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tạo nhiều cơ hội tăng trưởng của Việt Nam.
- Chính phủ cần xóa bỏ các rào cản đầu tư kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận của doanh nghiệp với vốn, thông tin, công nghệ, minh bạch và công bằng thuế, v.v.
- Việt Nam nên tập trung vào cách chính sách về tài khóa, tiền tệ và tỷ giá để đối mặt bất ổn của kinh tế TG:
 - (1) Điều chỉnh tỷ giá linh hoạt
 - (2) Giữ lãi suất ổn định
 - (3) Hạ thấp đòn bẩy và lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng
 - (4) Từng bước xây dựng “đệm tài khóa” thông qua việc tinh giản bộ máy nhà nước và cắt giảm chi tiêu thường xuyên

	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Quý 1	6,79	2,63
Quý 2	6,71	2,65
Quý 3	7,06	3,38
Quý 4	7,17	4,21
Cả năm	6,96	

Xin cảm ơn!

Câu hỏi và Thảo luận

Liên lạc:

Email: nguyen.ducthanh@vepr.org.vn

Vietnam Institute of Economics and Policy Research,
School of Economics, Hanoi National University

P.707, E4, 144, Xuan Thuy, Cau Giay

Email: info@vepr.org.vn

Tel: 04.37547506 ext 714/ 0975608677

Fax: 04.37549921